

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 196 /TDDMVN-THPC

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên doanh nghiệp: **TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: **VGT**

Trụ sở chính: 25 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Trụ sở giao dịch: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: + 84.24.38257700 - Fax: +84.24.38262269

Người được ủy quyền công bố thông tin: Tạ Hữu Doanh

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2021

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo đường link: www.vinatex.com.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 19/04/2022.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TGD (để b/c);
- Lưu VT, THPC.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Tạ Hữu Doanh



VINATEX

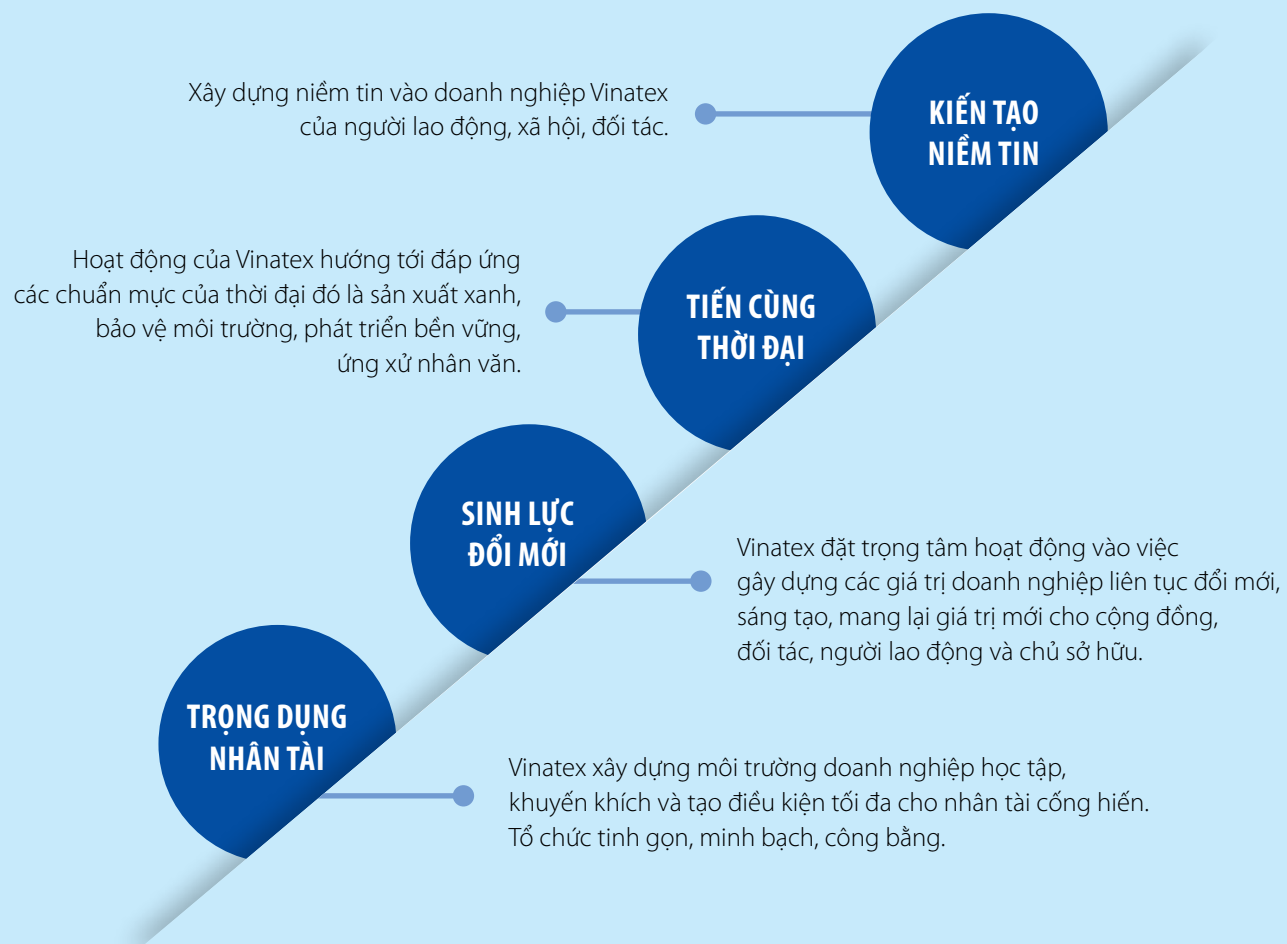
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

KIẾN TẠO NIỀM TIN

TIẾN CÙNG THỜI ĐẠI

SINH LỰC ĐỔI MỚI

TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021



MỤC LỤC

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VINATEX

II. THÔNG TIN CHUNG

1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN
2. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP; KHẨU HIỆU - BIỂU TƯỢNG
3. CÁC DẤU MỐC NỔI BẬT
4. NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2021
5. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HQDT)
2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)
3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH
4. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

IV. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG- NHÀ ĐẦU TƯ

V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG
2. MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG
3. HIỆN ĐẠI HÓA GẮN LIỀN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
4. CHUYỂN ĐỔI SỐ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ - SẢN XUẤT
5. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

VI. BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT





I.

**THÔNG DIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HĐQT VINATEX**

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VINATEX

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt HĐQT và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Chúng ta vừa trải qua một năm 2021 nhiều biến động, thực sự nếm trải thử thách của đại dịch Covid-19. Năm mà chúng ta chủ yếu làm việc từ xa, năm có đến 3 tháng các doanh nghiệp (DN) phía nam đóng cửa, có 9 tháng các DN miền Bắc và Trung trong trạng thái sản xuất đặc biệt, lúc “ba tại chỗ”, lúc giảm quân số huy động. Vào lúc cao điểm nhất, Tập đoàn có tới trên 60.000 lao động không thể đến nhà máy, chiếm trên 40% lực lượng của chúng ta.

Vượt lên tất cả các khó khăn thách thức, Tập đoàn bằng sức sáng tạo không ngừng và tinh thần đoàn kết đã đạt được những thành quả ấn tượng, có thể nói là tốt nhất trong 26 năm qua. Lần đầu tiên trong lịch sử Tập đoàn có lợi nhuận hợp nhất đạt 1.456 tỷ đồng, các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu có khó khăn kéo dài đã hoàn toàn lột xác trở thành các đơn vị có hiệu quả, đồng thời các doanh nghiệp trụ cột vẫn duy trì được vị thế củng cố một bước cơ bản năng lực cạnh tranh toàn Tập đoàn.

Với năng lực nội tại được cải thiện cùng với nhiều bài học rút ra trong 2 năm dịch bệnh, Tập đoàn đã có những điều chỉnh mục tiêu chiến lược từ mục tiêu chung là doanh nghiệp hàng đầu châu Á sang mục tiêu cụ thể là một điểm đến cung ứng giải pháp trọn gói cho ngành dệt may thời trang. Theo đó, mục tiêu giai đoạn 2022-2025 là hình thành năng lực cung ứng đủ lớn cho ngành hàng dệt kim, đáp ứng được yêu cầu ban đầu của các chuỗi cung ứng quy mô lớn của thế giới, trên nền tảng của ngành Sợi đã khá phát triển trong 5 năm qua, cùng với ngành May quy mô và có uy tín.



Trước các diễn biến hiện nay của dịch bệnh, chúng ta vẫn phải tiếp cận 2022 là năm có cả cơ hội phục hồi nhưng đi kèm với thách thức lớn, nhiều bất ngờ. Cùng với đó là các vấn đề của thị trường tài chính thế giới, nhất là nguy cơ lạm phát mà khả năng xấu nhất là hiện tượng đình lạm của kinh tế thế giới (kinh tế đình trệ, nhưng lạm phát tăng cao). Các rủi ro tiềm ẩn đó có thể tác động rất nhanh, rất mạnh vào sức cầu tiêu dùng của các thị trường chính của dệt may.

Thị trường dệt may toàn cầu hiện nay là một thị trường minh bạch và lệ thuộc vào nhau. Lúc này “tốc độ gia nhập thị trường” là vũ khí tối thượng của cạnh tranh. Cơ hội có nhưng sẽ có rất nhiều người cùng tham gia, chỉ có người nhanh nhất mới có thể thu hoạch được kết quả tốt.

Rõ ràng trong đại dịch vừa qua, một nguyên nhân chủ yếu giúp chúng ta vượt qua, có dấu ấn mạnh mẽ về kết quả sản xuất kinh doanh chính là niềm tin của toàn tổ chức, niềm tin lẫn nhau của người lao động và nhà quản lý, niềm tin của khách hàng, của nhà cung cấp, của cơ quan hữu quan với chúng ta. Tiếp nhận bài học sâu sắc này sẽ là động lực mới cho quá trình phát triển của Tập đoàn.

Sau những phân tích, đánh giá và dự báo kỹ lưỡng, chúng ta quyết định chọn hướng đi đột phá là cung ứng giải pháp trọn gói trước mắt cho hệ thống sản phẩm dệt kim, muốn làm được trọn gói rõ ràng phải có sự tham gia của cả một chuỗi các doanh nghiệp từ người làm

kinh doanh, marketing, đến sản xuất sợi, dệt kim, hoàn tất vải và may.

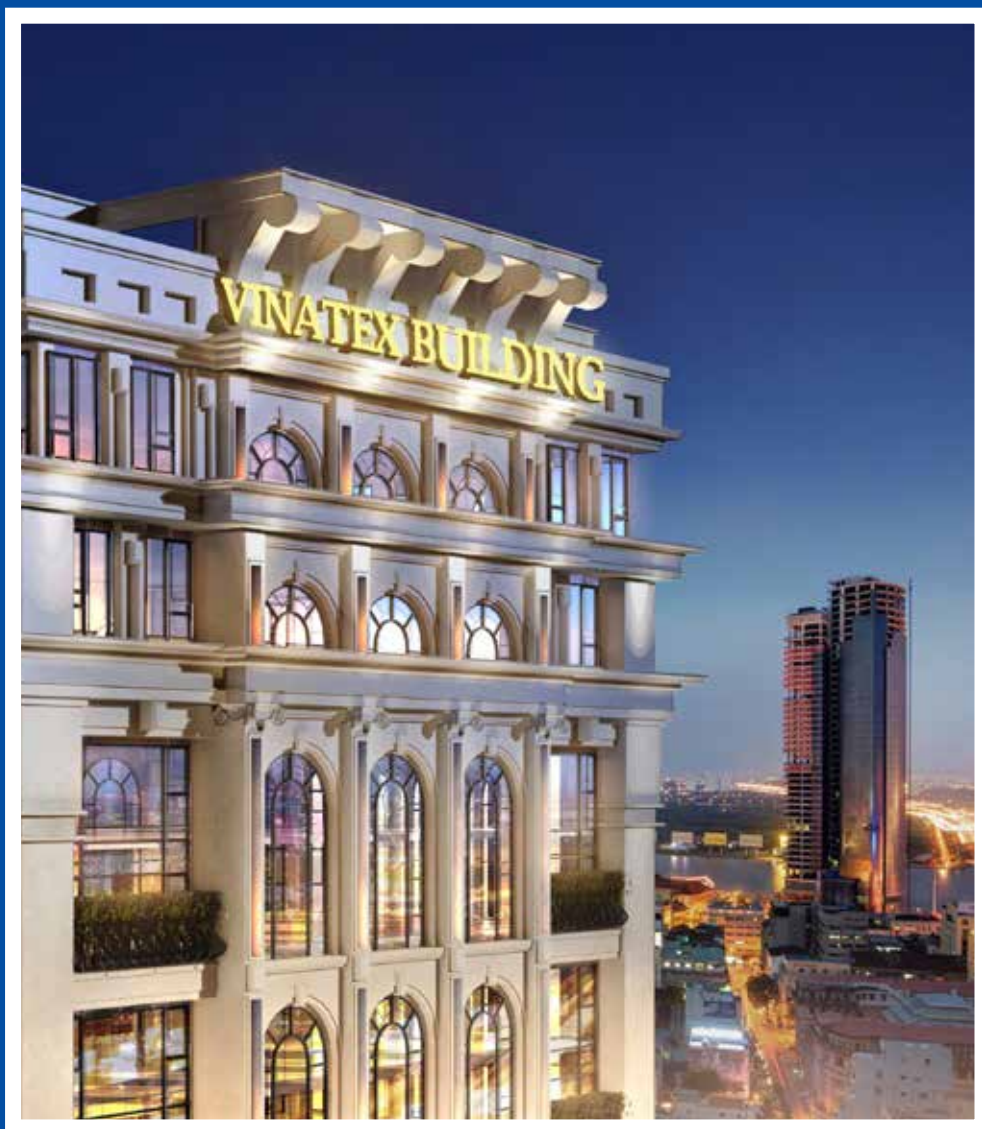
Đây là một việc mới với chúng ta, rõ ràng chúng ta đã làm dệt may hàng chục năm qua, nhưng làm có liên thông giữa các doanh nghiệp trong Tập đoàn đem đến sản phẩm cuối cùng trọn gói thì chúng ta còn làm rất ít, chưa dài hạn, chưa định vị cụ thể với nhóm sản phẩm và khách hàng nào. Chính trong điều kiện kinh doanh cạnh tranh trên cơ sở tốc độ gia nhập thị trường, chúng ta phải đặt niềm tin vào nhau.

Xây dựng niềm tin chiến lược giữa các doanh nghiệp trong Tập đoàn cùng tham gia cung ứng từng phần của giải pháp trọn gói là cơ sở để xây dựng được niềm tin của khách hàng với chúng ta. Đặt niềm tin vào đối tác trong chuỗi, đồng thời mỗi thành viên trong chuỗi cũng có tinh thần tự trọng cao, quyết không phụ niềm tin của các thành viên khác sẽ là nền tảng tạo nên năng lực cạnh tranh.

Năm 2022 với nhiều thách thức lại đến trong niềm tin ở sức mạnh Vinatex, sức mạnh đã giúp chúng ta có dấu ấn đáng ghi nhận trong 2 năm dịch bệnh khó khăn nhất, hoàn thành vượt mức ở mức cao mọi chỉ tiêu kế hoạch, nhất là bảo toàn được đội ngũ. Với niềm tin từ văn hoá, sức mạnh nội tại của các doanh nghiệp và toàn Tập đoàn, thay mặt HĐQT Tập đoàn, tôi kêu gọi tất cả cổ đông, cán bộ nhân viên, người lao động của Tập đoàn tiếp tục đoàn kết, sáng tạo cùng bước vào năm 2022 với quyết tâm cao nhất, quyết tâm phát triển nhanh, bền vững từ **SỨC MẠNH NIỀM TIN**.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Tiến Trường



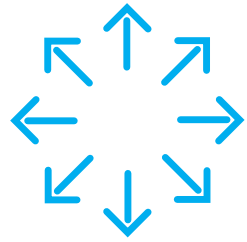
THÔNG TIN CHUNG



1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

	Tên tiếng Việt:	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
	Tên tiếng Anh:	VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP
	Tên giao dịch:	VINATEX
	Vốn điều lệ:	5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)
	Địa chỉ: VP HN:	41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
	VP HCM:	10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam
	Điện thoại	(+84) 24 3825 7700
	Fax:	(+84) 24 3826 2269
	Website:	www.vinatex.com.vn

2. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, KHẨU HIỆU - BIỂU TƯỢNG



2.1. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.



2.2. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

- Hiểu công việc mình làm.
- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.

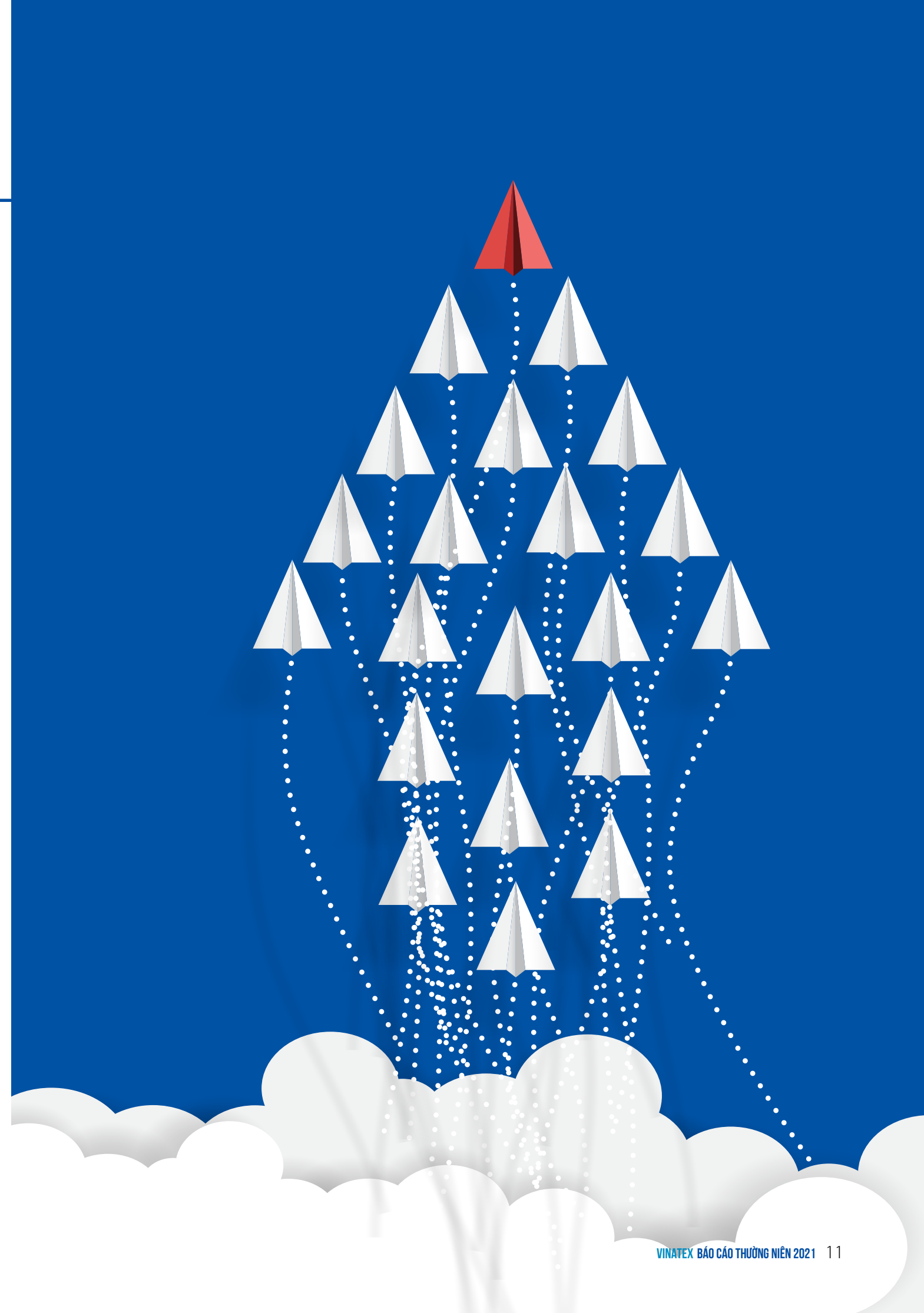
2.3. KHẨU HIỆU:

“Gấm vóc non sông, hào khí Lạc Hồng”

2.4. BIỂU TƯỢNG



- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.
- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.



3. CÁC DẤU MỐC NỔI BẬT

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành dệt may Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.



Các mốc phát triển cụ thể:

1995

Tháng 4 năm 1995: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

2005

Tháng 10 năm 2005: Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.

2010

Tháng 5 năm 2010: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.

2014

Năm 2014: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam; Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.

2015

Tháng 1 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.

Tháng 12 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.

2021

Tháng 12 năm 2021: Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã kết thúc năm 2021 với doanh thu đạt hơn 16.100 tỷ đồng, tăng 15,7% cùng kỳ 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 1.456 tỷ đồng tăng 145,5% so với cùng kỳ 2020.

4. NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2021

Tháng 8 năm 2021: Được Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc gặp mặt, biểu dương và ghi nhận, đánh giá cao sự nỗ lực vượt khó khăn của hơn 3 triệu lao động toàn ngành Dệt May, mang lại kết quả khá toàn diện, biến nguy thành cơ, thực hiện tốt mục tiêu kép đã đưa ra.



Tập đoàn đã phối hợp với Công đoàn ngành Dệt May triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động; trao tặng quần áo bảo hộ, đồ dùng sinh hoạt cho BV Dệt May, BV điều trị người bệnh Covid-19 trong phòng chống dịch.



Tháng 01 năm 2022: Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đến dự và phát biểu tại Lễ phát động thi đua năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Chủ động trong việc vận động vắc xin, vì vậy, trước khi người lao động được tiêm ở địa phương thì đã được doanh nghiệp triển khai tiêm.



Tháng 02 năm 2022: Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã đến thăm và chúc Tết Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ trực tuyến (miễn phí) cho các học viên là cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ nguồn của Tập đoàn, đến từ các đơn vị thành viên. Cùng với đó, Tập đoàn đã tổ chức hơn 20 buổi Hội thảo trực tuyến để đào tạo chiến lược cho cán bộ các doanh nghiệp thành viên.



Năm 2021 mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhưng các đơn vị trong hệ thống Vinatex vẫn là một trong những "điểm sáng" đảm bảo chế độ lương thưởng cho người lao động. Theo đó, thưởng Tết năm 2022 đạt mức bình quân 12 triệu đồng, tăng 20,3% so với thưởng Tết 2021. Đặc biệt, nhiều đơn vị trong hệ thống của Vinatex đã thưởng tới 3 tháng lương cho NLĐ.



Trong năm 2021, Tập đoàn đã hình thành quy hoạch tổng thể mô hình quản trị vận hành sau khi số hóa các tác nghiệp cụ thể từ công ty mẹ đến các công ty thành viên.



Trong năm 2021, lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã có nhiều buổi gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với lãnh đạo các Tập đoàn lớn của Rieter, Dassy và Itochu để bàn về các kế hoạch hợp tác phát triển chuỗi giá trị mới và mở rộng thị trường xuất khẩu.

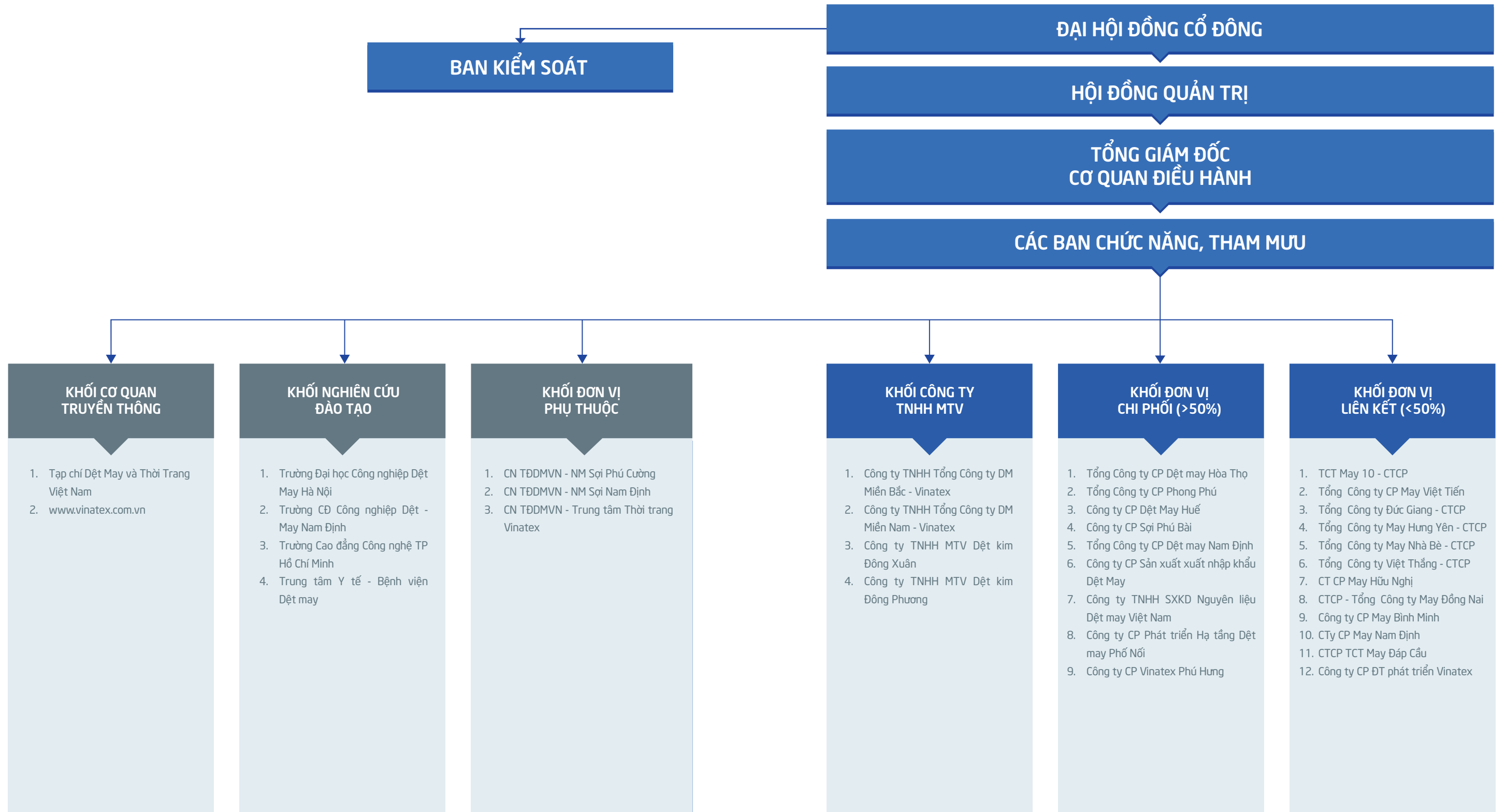


Bên cạnh việc đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực của các đơn vị, năm 2021 Tập đoàn Dệt May đã đưa vào hoạt động 2 nhà máy Sợi mới đó là: Nhà máy Sợi 3, Công ty CP Sợi Phú Bài với quy mô 3,2 vạn cọc sợi; Nhà máy Sợi 2, Công ty CP Vinatex Phú Hưng với quy mô 2,28 vạn cọc sợi.



5. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

5.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

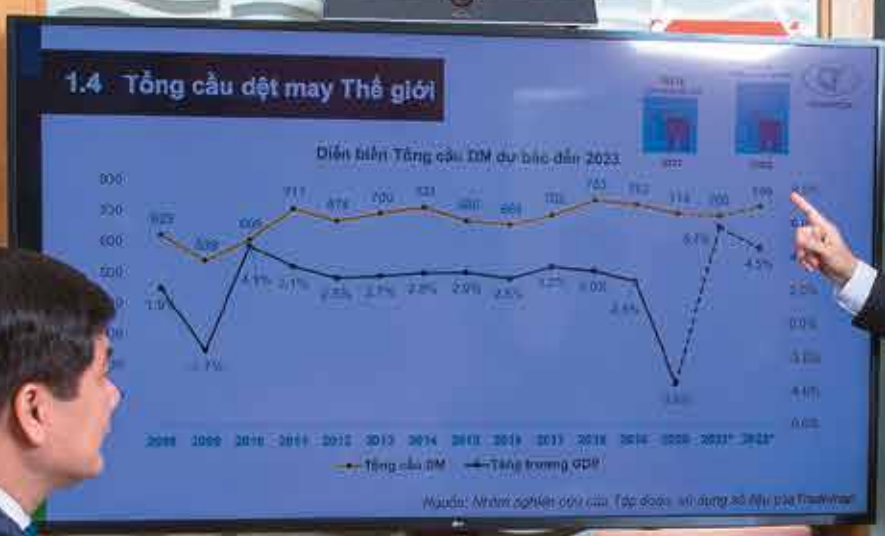


5.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

5.2.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	
2	Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Đặng Vũ Hùng	Thành viên HĐQT	Thôi nhiệm TGD từ tháng 10/2021
4	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên HĐQT	
5	Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	Bầu bổ sung 29/6/2021
6	Lê Khắc Hiệp	Thành viên HĐQT	Từ nhiệm T6/2021





Ông LÊ TIẾN TRƯỜNG
Chủ tịch HĐQT chuyên trách

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Lê Tiến Trường có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có gần 15 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực và đảm nhận vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên/ HĐQT - Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 7/2014 – 8/2020.

Ông Lê Tiến Trường: kỹ sư cơ khí, thạc sỹ quản trị nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.



Ông TRẦN QUANG NGHỊ
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ tháng 8/2020. Ông Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 10/2010 – 6/2014 và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 1/2015 – 8/2020. Ông là người lãnh đạo, quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, có nhiều đóng góp to lớn trong định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.



Ông ĐẶNG VŨ HÙNG
Thành viên HĐQT

Ông Đặng Vũ Hùng là Thành viên HĐQT Vinatex từ tháng 1/2015. Ông Đặng Vũ Hùng là cán bộ được đào tạo chuyên sâu ngành Dệt May với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Với hơn 20 năm công tác, ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CP Phong Phú, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Vinatex. Hiện nay, ông đang đảm nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Vinatex, Chủ tịch HĐQT CTY TNHH MTV TCTy Dệt May miền Bắc – Vinatex.



Ông VŨ HỒNG TUẤN
Thành viên HĐQT chuyên trách

Ông Vũ Hồng Tuấn được bầu thành viên Hội đồng quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Vũ Hồng Tuấn được đào tạo Cử nhân chuyên ngành Ngân sách nhà nước, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, đã có hơn 30 năm công tác và đảm nhiệm các vị trí: Thanh tra viên chính – Bộ Tài Chính; Trưởng ban QL rủi ro, Trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Tổ chức cán bộ của TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.



Ông NGUYỄN XUÂN ĐÔNG
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Xuân Đông được bầu thành viên Hội đồng quản trị Vinatex từ tháng 06/2021. Ông Nguyễn Xuân Đông đã có gần 30 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may và giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Công ty TNHH Dệt Nhuộm Trung Thự, Giám đốc Công ty CP Nhuộm Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Len Hà Đông, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP May Nhà Bè, Thành viên HĐQT Công ty CP Vinatex Đà Nẵng, Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt Vĩnh Phú.

5.2.2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 04 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Nguyễn Lê Trà My	Thành viên Ban Kiểm soát	
4	Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên Ban Kiểm soát	
	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	Từ nhiệm từ T6/2021





BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG

Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách

Bà Trần Thị Thu Hằng là Cử nhân Tài chính kế toán, đã có 25 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Kế toán tại các doanh nghiệp Dệt May và giữ chức vụ Phó Trưởng Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước khi được bầu Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn.



BÀ ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Bà Đoàn Thị Thu Hương là Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế, đã có trên 20 năm công tác, trong đó có 8 năm kinh nghiệm trong công tác Nguồn vốn và Pháp chế. Bà Đoàn Thị Thu Hương từng giữ chức vụ Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư - Công ty Tài chính Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Chuyên viên Ban Tổng hợp Pháp chế, Thư ký Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



BÀ NGUYỄN LÊ TRÀ MY

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lê Trà My là Thạc sỹ Tài chính tín dụng và Lưu thông tiền tệ, đã có trên 15 năm công tác, trong đó 05 năm là Trưởng bộ phận phòng Phát triển khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Quân đội. Bà Nguyễn Lê Trà My có hơn 10 năm công tác tại SCIC, hiện là Chuyên viên Ban Đầu tư 4 – SCIC và kiêm nhiệm các vị trí thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp thành viên của SCIC.



Bà ĐẶNG THỊ HỒNG LÊ

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Hồng Lê là Cử nhân Luật Kinh tế, đã có trên 15 năm công tác và từng đảm nhiệm cả vị trí Trưởng ban Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Giám đốc điều hành, TV HĐQT CTy CP Dệt 19/5, CTy CP Len Hà đồng. Bà Đặng Thị Hồng Lê hiện đang là Thành viên HĐQT CTy Dệt 19/5 Hà Nội và Trưởng ban Pháp chế kiêm Giám đốc điều hành CTy CP Len Hà Đồng.

5.2.3. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Cơ quan điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với một số Phó Tổng Giám đốc, một Giám đốc Điều hành và một Kế toán trưởng.



STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn	Ghi chú
1	Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/10/2021
2	Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	
3	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc	
4	Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc	
5	Nguyễn Đức Trị	Phó Tổng Giám đốc	
6	Nguyễn Song Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/01/2022
7	Phạm Xuân Trình	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 29/3/2021
8	Nguyễn Ngọc Cách	Kế toán trưởng	
	Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ chế độ từ ngày 31/12/2021



Ông CAO HỮU HIẾU
Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc: là người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sỹ Vật liệu Dệt. Ông đã có trên 20 năm công tác trong ngành Dệt May, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư, Giám đốc điều hành Tập đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn.



Ông PHẠM VĂN TÂN
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Phạm Văn Tân – Phó Tổng Giám đốc: là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 20 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông LÊ TRUNG HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Trung Hải - Phó Tổng Giám đốc: kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGD Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty Dệt Phước Long, GĐĐH Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông LÊ MẠC THUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạc Thuấn – Phó Tổng Giám đốc: có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGD Xí nghiệp May Sông Tiền, GĐĐH Công ty May Nhà Bè, Phó TGD Tổng công ty May Nhà Bè, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông NGUYỄN ĐỨC TRỊ
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Trí - Phó Tổng Giám đốc: có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với hơn 25 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như Trưởng phòng KD Xuất nhập khẩu Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng; Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT TCTy CP Dệt May Hòa Thọ, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt May Huế, Giám đốc điều hành Tập đoàn.



Ông NGUYỄN SONG HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Song Hải - Phó Tổng Giám đốc: có trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ Dệt và Cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Đã trải qua 30 năm công tác thực tế, có kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực Dệt May, có nhiều năm kinh nghiệm thực tế quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong doanh nghiệp như: Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty CP Dệt May Hà Nội.



Ông PHẠM XUÂN TRÌNH
Giám đốc điều hành

Ông Phạm Xuân Trình – Giám đốc điều hành: có trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và chuyên môn sâu về sợi dệt với trên 35 năm công tác, gắn bó trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn như: Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương.



Ông NGUYỄN NGỌC CÁCH
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Ngọc Cách được bổ nhiệm Kế toán trưởng Tập đoàn từ tháng 10/2020, trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các doanh nghiệp dệt may. Ông từng đảm nhận nhiều chức vụ như: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội; Phó Ban Tài chính kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn trước khi được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tập đoàn.

6. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (NĂNG LỰC HIỆN TẠI)



6.1. NGÀNH SỢI

❖ **Năng lực thiết kế:**

172.270 tấn/năm

(quy đổi Ne30).

❖ **Mặt hàng:**

Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi recycle, sợi cotton xe, sợi polyester, bao gồm có chải thô và chải kỹ

❖ **Thiết bị công nghệ:**

Sợi được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc... Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các hãng chế tạo danh tiếng trên thế giới với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.



6.2. NGÀNH VẢI

6.2.1. Vải dệt thoi

❖ **Năng lực thiết kế:**

170 triệu mét vuông/năm

❖ **Thiết bị công nghệ:**

- Máy dệt được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, trong đó máy dệt khí chiếm tỉ trọng lớn (khoảng 80%). Máy dệt khí được đánh giá cao do tốc độ và hiệu suất máy cao (vận tốc trung bình 1000 vòng/phút), dễ thao tác, độ bền cao, phù hợp với điều kiện môi trường khí hậu tại Việt Nam.
- Máy mắc và máy hồ hiện nay nhập chủ yếu từ EU và Đài Loan, với trình độ công nghệ tiên tiến, giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dệt, tăng năng suất chất lượng sản phẩm.
- Máy nhuộm trong các dự án được nhập chủ yếu từ châu Âu và châu Á và được cung cấp bởi các hãng Thies-Đức, Fong's - Hongkong.

6.2.2. Vải dệt kim

❖ **Năng lực thiết kế:**

24.325 tấn/năm

❖ **Thiết bị công nghệ:**

Dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Đài Loan, Nhật Bản... do các hãng chế tạo có uy tín cung cấp (Máy dệt kim: Mayer Cie-Đức, Terrot-Đức, Fukuhara-Nhật, Fukahama-Đài Loan, Junnlong-Đài Loan; Máy nhuộm: Thies-Đức, Fong's - Hongkong).



6.3. NGÀNH MAY

❖ **Năng lực thiết kế:**

353 triệu sản phẩm/năm

❖ **Thiết bị công nghệ:**

Công nghệ thiết bị hiện đại, được nhập chủ yếu từ Châu Âu, Nhật và Mỹ (Juki-Nhật, Brother-Nhật, Kansai-Nhật, Durkopp Adler-Đức, Gerber-Mỹ).

6.4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ:

Năm 2021 và các năm tiếp theo, các dự án đầu tư theo chiến lược chung của Tập đoàn giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030: “Trở thành một điểm đến (one-stop) có khả năng cung ứng trọn gói nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Từng bước vươn lên thang bậc cao hơn của chuỗi giá trị về thiết kế & thương hiệu”

Toàn bộ hệ thống sẽ được nâng cao năng lực theo lộ trình như sau:

Các dự án sẽ phải được triển khai thực hiện bám sát theo chiến lược phát triển quy hoạch năng lực đủ lớn cho từng ngành tạo nên 1 năng lực cạnh tranh mới cho toàn Tập đoàn.

NGÀNH SỢI

Đến 2025: >700.000 cọc sợi

Trước 2030: >1.000.000 cọc sợi

Sản lượng đạt 150.000 tấn/năm vào năm 2025, trong đó:

+ Xuất khẩu: 110.000 tấn/năm

+ Xuất dệt kim: 30.000 tấn/năm

+ Xuất gia dụng: 10.000 tấn/năm

Thiết bị công nghệ: thay thế xong cọc sợi đồ tay, máy có tuổi đời > 20 năm, áp dụng hệ thống quản trị số chung

Năm 2021 đánh dấu 2 dự án đầu tư theo chiến lược trên, đầu tư thiết bị hiện đại, sử dụng ít lao động, tự động hóa tối đa các khâu (NM Sợi Phú Bài 3, NM Sợi Phú Hưng 2)



NGÀNH DỆT

Dệt kim: 50.000 tấn/năm

Sử dụng sợi nội bộ 30.000 tấn/năm

Xuất khẩu vải theo chuỗi:

16 ÷ 28.000 tấn/năm

Vải qua May FOB:

8 ÷ 10.000 tấn/năm

Dệt thoi:

2 triệu mét/năm vải đặc biệt (chống cháy, chống dâm, chống hóa chất)

Khăn: 10 ÷ 15.000 tấn/năm

Chăn ga: 12 ÷ 15 triệu mét/năm



NGÀNH MAY

DN May chi phối:

Sử dụng để may FOB sản phẩm dệt kim ~ 80 ÷ 100 triệu sp/năm (quy áo Polo shirt 250 gram/chiếc)

Phát triển hướng thị trường May các sản phẩm bảo hộ đặc chủng mới

Duy trì nhóm sản phẩm có lợi thế cạnh tranh hiện nay.

Thiết bị công nghệ: Nhiều công ty đã đầu tư các thiết bị hiện đại như hệ thống máy trải vải, cắt tự động. Đầu tư chuyên sâu các thiết bị may chuyên dụng có hệ thống cắt chỉ tự động để giảm thời gian chế tạo sản phẩm.



III.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) NĂM 2021

- Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội đồng quản trị) hoạt động theo khuôn khổ của pháp luật Việt Nam, luật doanh nghiệp, các luật chuyên ngành liên quan và Điều lệ Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Vinatex trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- Về các thành viên Hội đồng quản trị:
 - ĐHĐCĐ thường niên của Vinatex năm 2021 đã thống nhất ông Lê Khắc Hiệp thôi nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị từ ngày 29/6/2021 và bầu bổ sung ông Nguyễn Xuân Đông vào vị trí Ủy viên Hội đồng quản trị. Như vậy từ ngày 29/6/2021 đến ngày 31/12/2021, Hội đồng quản trị gồm

5 người: ông Lê Tiến Trường - Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Trần Quang Nghị - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Ủy viên HĐQT gồm ông Vũ Hồng Tuấn, ông Đặng Vũ Hùng, ông Nguyễn Xuân Đông.

- Tập thể Hội đồng quản trị của Vinatex sở hữu chuyên môn, kỹ năng, năng lực, quan điểm đa dạng và phù hợp để đóng vai trò lãnh đạo và giám sát Tập đoàn hiệu quả.
- Tất cả các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp chuyên đề, đột xuất trực tuyến hoặc lấy ý kiến qua email với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức 12 cuộc họp toàn thể. Hội đồng quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết và 12 Quyết định trong năm 2021.

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Tiến Trường	12/12	100%	
2	Trần Quang Nghị	12/12	100%	
3	Đặng Vũ Hùng	12/12	100%	
4	Vũ Hồng Tuấn	12/12	100%	
5	Lê Khắc Hiệp	6/6	100%	Không còn là thành viên HĐQT từ 29/6/2021
6	Nguyễn Xuân Đông	6/6	100%	Tham gia HĐQT từ 29/6/2021

1.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Cơ quan điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) được thể hiện một cách chặt chẽ, định kỳ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Cơ quan điều hành được thể hiện như sau:

Tại các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT đều yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn, các đơn vị trọng yếu trong Tập đoàn, khả năng đạt kế hoạch Tập đoàn giao, tình hình triển khai các dự án đầu tư, công tác đào tạo quản lý nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác quản lý và đánh giá người đại diện vốn Tập đoàn tại các doanh nghiệp nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý vốn Vinatex tại các doanh nghiệp; các vấn đề liên quan đến

“ Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại Việt Nam, HĐQT tổ chức họp đột xuất thường xuyên cùng Cơ quan điều hành để nắm bắt tình hình, định hướng và giám sát việc tổ chức triển khai các biện pháp phòng dịch theo đúng quy định, đảm bảo an toàn cho người lao động và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn. ”

hoạt động tài chính, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu khoa học công nghệ, công tác kiểm soát nội bộ.

Căn cứ chỉ đạo của HĐQT về kế hoạch chuyển đổi số của Tập đoàn giai đoạn 2020-2025, Cơ quan điều hành đã triển khai thành công giai đoạn 1 chuyển đổi số trong quản trị sản xuất ngành sợi trong năm 2021. Mục tiêu chuyển đổi số hướng tới cung cấp nền tảng quản trị và vận hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh Sợi – Dệt – May cho Vinatex và các đơn vị thành viên để quản trị được chuỗi cung ứng, năng lực sản xuất, hệ thống khách hàng và quản trị hoạt động theo thời gian thực.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại Việt Nam, HĐQT tổ chức họp đột xuất thường xuyên cùng Cơ quan điều hành để nắm bắt tình hình, định hướng và giám sát việc tổ chức triển khai các biện pháp phòng dịch theo đúng quy định, đảm bảo an toàn cho người lao động và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

Cơ quan điều hành cũng đã báo cáo HĐQT kế hoạch phục hồi sau Covid-19, giai đoạn 2022-2025 với mục tiêu trở thành một điểm đến cung cấp giải pháp trọn gói cho khách hàng doanh nghiệp trong ngành dệt may thời trang.





1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn phòng HĐQT với vai trò tham mưu, giúp việc cho HĐQT và các Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư, Nghiên cứu phát triển, Nhân sự, Quản trị rủi ro đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý quốc tế như Luật phá sản của Mỹ theo chương 11 để nâng cao tính chủ động phòng ngừa rủi ro trong bối cảnh nhiều thương hiệu lớn của các nhà mua hàng tại Mỹ đang ký phá sản dưới tác động của dịch Covid-19 trong suốt năm 2020 vừa qua.
- Về thị trường, nghiên cứu Chiến lược phát triển dệt may của Trung Quốc theo kế hoạch 5 năm lần thứ 14 để đánh giá các xu hướng phát triển trong 5 năm tới của quốc gia dẫn đầu ngành dệt may thế giới, từ đó phục vụ công tác hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn của Tập đoàn.
- Phân tích, đánh giá tình hình thị trường dệt may toàn cầu và dự báo diễn biến cung cầu dệt may thế

giới, xu hướng thời trang và các yếu tố tác động chủ yếu đến ngành dệt may, thời trang trong năm 2022 trong tháng 10/2021 phục vụ công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của các doanh nghiệp.

- Theo sát diễn biến các vấn đề kinh tế quốc tế, tỷ giá, lãi suất có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến doanh nghiệp trong Tập đoàn.
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo nội bộ trực tuyến cho cán bộ quản lý cấp trung toàn Tập đoàn kéo dài 3 tháng trong quý 4 năm 2021.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro thuộc Văn phòng HĐQT đã phối hợp cùng Ban Kiểm soát Tập đoàn thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được HĐQT phê duyệt từ đầu năm. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện tập trung vào những rủi ro trọng yếu tại mỗi đơn vị. Sau mỗi đợt kiểm toán, bộ phận kiểm toán nội bộ đều có báo cáo và tham mưu HĐQT đưa ra các khuyến nghị trong hoạt động điều hành đối với Cơ quan điều hành Tập đoàn.

1.4. CÁC GIAO DỊCH GIỮA TẬP ĐOÀN, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO TẬP ĐOÀN NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA TẬP ĐOÀN VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.

Trong năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không phát sinh bất kỳ giao dịch nào như trên.

1.5. TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

1.6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2021

Trong năm 2021, tổng cầu dệt may thế giới đã có cải thiện so với năm 2020 với mức tăng 3,1% đạt 740 tỷ USD. Các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới đều có mức tăng trưởng cao trong đó: Trung Quốc đạt 235 tỷ USD tăng 12%, Ấn Độ tăng trưởng 40% lên 42 tỷ USD. Xuất khẩu dệt may Việt Nam tăng trưởng gần 15% đạt 40,45 tỷ USD, vượt 2,1% so với kết quả năm 2019 trước khi xảy ra dịch Covid-19, duy trì tăng trưởng tại các thị trường xuất khẩu lớn nhất của dệt may Việt Nam gồm Mỹ với KNXX 16,6 tỷ USD (tăng 17%), Trung Quốc vươn lên thứ 2 với KNXX 4,5 tỷ USD (tăng 23%), Châu Âu đạt 4,1 tỷ USD (tăng 6%), Hàn Quốc đạt 3,7 USD (tăng 10%), trừ Nhật Bản đạt 3,5 tỷ USD (giảm 7%).

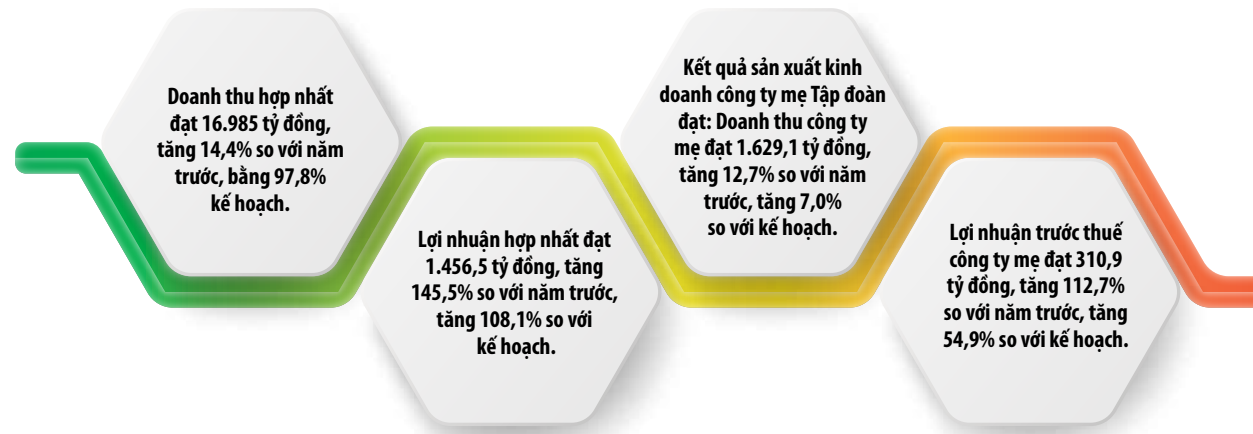
Đối với kết quả SXKD năm 2021 của Vinatex thì đây là năm đầu tiên lợi nhuận hợp nhất đạt mức lịch sử 1.456,5 tỷ, gấp 2,5 lần năm 2020 và gấp 2 lần năm 2019 là năm trước đại dịch. Tốc độ tăng trưởng này thể hiện chất lượng của quá trình tái cơ cấu và chuẩn bị tốt cho quá trình thay đổi giá trị gia tăng, cơ cấu mặt hàng và tỷ lệ nguồn nguyên liệu chủ động được ở trong nước của Vinatex. Đặc biệt, trong năm 2021 Vinatex đã chủ động được các mặt hàng ít bị ảnh hưởng cạnh tranh trực tiếp của thị trường, tạo ra biên lợi nhuận tốt hơn.

Điểm nhấn trong năm 2021 của Vinatex là: Đảm bảo việc làm cho hơn 155.000 lao động với mức thu nhập bình quân 8,2 triệu đồng/người/tháng, bằng mức thu



nhập năm 2020 nhưng số giờ làm việc chỉ bằng 85% của năm 2020 (tức lương theo giờ của người lao động tiếp tục tăng trên 10%). Bảo toàn được lực lượng trong đại dịch nên ngày đầu tiên đi làm trở lại sau giãn cách số lượng lao động đã đạt khoảng 90%, sau 2 tuần khoảng 95% lao động đã quay trở lại làm việc và nhanh chóng đạt 100% lao động quay trở lại làm việc. Trung bình thường Tết toàn hệ thống đạt gần 12 triệu đồng/người tăng 20,3% so với 2020.

Cụ thể kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Tập đoàn đạt:



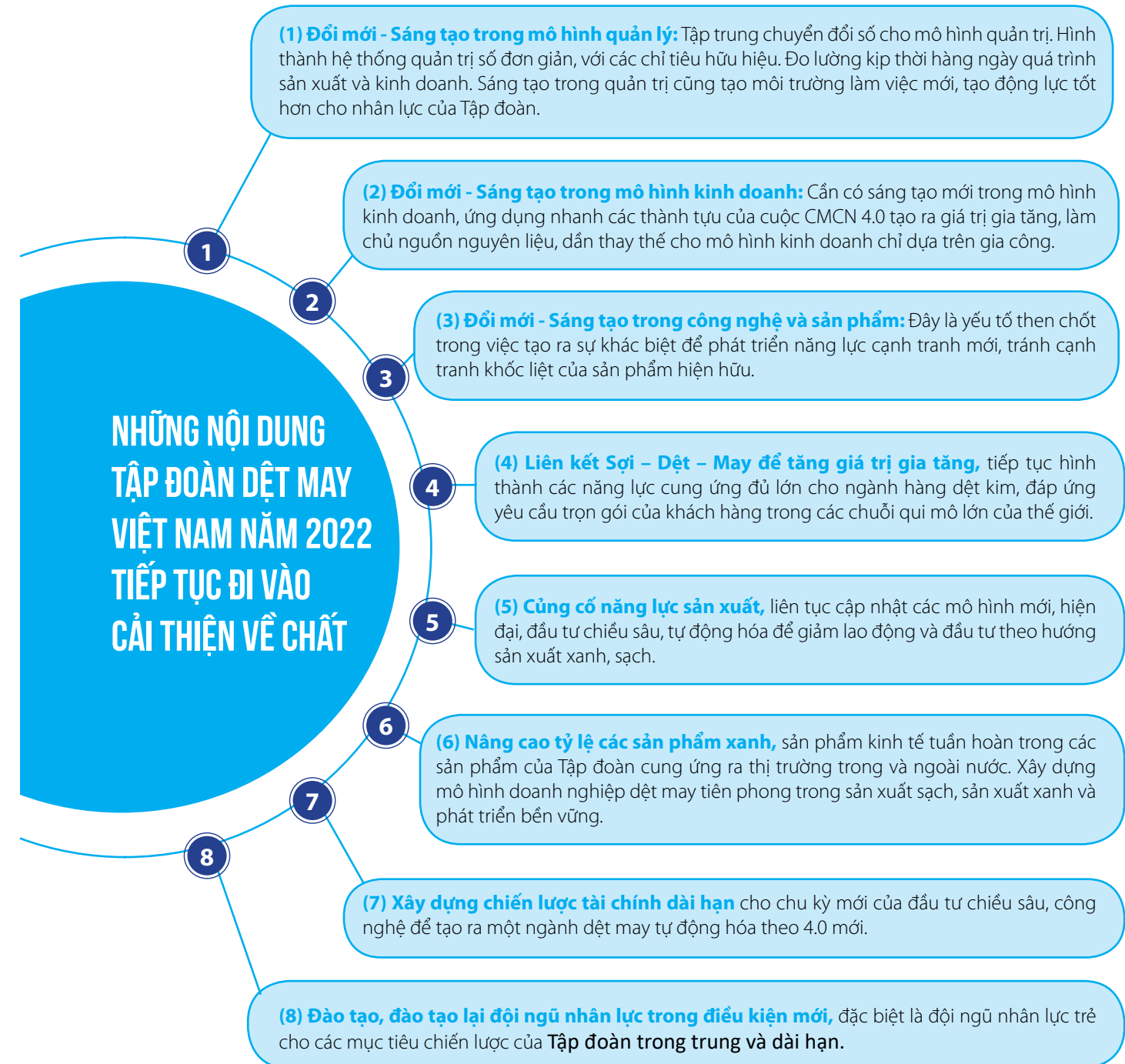
1.7. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Năm 2022, thị trường khởi đầu khá khó khăn với nhiều biến động, lạm phát duy trì ở mức cao nhất 40 năm qua tại Mỹ và EU, giá các nguyên liệu đầu vào như dầu, than tăng mạnh, giá các nguyên liệu phục vụ sản xuất như bông, xơ xác lập mặt bằng giá mới ở mức cao trong khi

giá bán thành phẩm đầu ra không tăng tương ứng, đặc biệt dưới tác động của cuộc xung đột vũ trang Nga-Ukraina khiến giá dầu tăng phi mã gây áp lực tăng chi phí và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, logistic toàn cầu, nhu cầu nhập khẩu dệt may thế giới vì thế được dự báo giảm, trong kịch bản tốt nhất nếu cuộc chiến Nga-Ukraina kết thúc sớm và các biện pháp trừng phạt kinh tế lẫn nhau giữa Mỹ, các nước phương Tây với Nga dần được gỡ bỏ, tổng cầu dệt may thế giới dự báo chỉ tăng 1,5%-2%.



Trước những thách thức đặt ra cho năm 2022 cùng những yêu cầu mới, công nghệ mới liên tục thay đổi, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2022 tiếp tục đi vào cải thiện về chất, trong đó tập trung vào những nội dung sau:



2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Thị Thu Hằng	Trưởng BKS/Chuyên trách	18/8/2020	
2	Đoàn Thị Thu Hương	TV BKS/Chuyên trách	18/8/2020	
3	Nguyễn Lê Trà My	TV BKS/Kiểm nhiệm	18/8/2020	
4	Đặng Thị Hồng Lê	TV BKS/Kiểm nhiệm	18/8/2020	
5	Nguyễn Thị Thanh Hà	TV BKS/Kiểm nhiệm	14/6/2016	29/06/2021

2.2. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

2.3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, HĐQT Tập đoàn, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn, các chi nhánh, doanh nghiệp 100% vốn Tập đoàn và một số đơn vị Tập đoàn có vốn trên 50%. Quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp, mỗi cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát tham dự, nội dung các cuộc họp là thông qua Quy chế hoạt động của ban kiểm soát, Báo cáo kiểm soát năm 2020 tại ĐHĐCĐ năm 2021, các báo cáo 6 tháng, 9 tháng/2021, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 của Tập đoàn.

Kết quả kiểm tra, giám sát như sau:

2.3.1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ

thường niên năm 2021, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp, ban hành 14 Nghị quyết và 12 Quyết định với các nội dung nằm trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT qua các báo cáo thường kỳ, thường niên của HĐQT và các báo cáo của Tổng Giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp HĐQT, các báo cáo hàng quý của Ban Kiểm soát Tập đoàn.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp tại Việt Nam, HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp đột xuất cùng HĐQT để nắm bắt tình hình dịch bệnh và nhanh chóng đưa ra các định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị trong việc ứng phó với dịch đảm bảo an toàn cho người lao động, đồng thời cũng nắm bắt những cơ hội, tập trung chỉ đạo thực hiện, điều hành hoạt động của Tập đoàn ổn định, hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

2.3.2. Giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành

2.3.2.1. Kết quả kinh doanh

Cơ quan điều hành Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp theo chỉ đạo của HĐQT nhằm hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, kết quả như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		% so sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021/ KH 2021	TH 2021/ TH 2020
I Công ty mẹ						
1	Doanh thu	1.445.774	1.522.800	1.629.154	107%	112,7%
2	Chi phí	1.299.572	1.197.360	1.318.215	110,1%	101,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	146.202	200.775	310.939	154,9%	212,4%
II Số liệu hợp nhất						
1	Doanh thu hợp nhất	14.842.614	17.365.000	16.985.353	97,8%	114,4%
2	Chi phí hợp nhất	14.249.219	14.259.000	15.528.862	108,9%	109%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	593.395	700.000	1.456.491	208,1%	245,5%

Trong đó:

- Ngành sợi:** thị trường sợi tăng trưởng trở lại sau thời gian dài sụt giảm do chịu tác động kép từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid 19 kết hợp với công tác quản trị ngành sợi được triển khai tích cực từ lãnh đạo Tập đoàn đã mang lại kết quả tích cực cho SXKD các đơn vị sợi.
- Ngành may:** các đơn vị ngành may phía Nam chịu ảnh hưởng nặng nề gần như đóng cửa toàn bộ trong thời gian giãn cách, hiệu quả SXKD sụt giảm nhưng đã đảm bảo được an toàn cho người lao động và thu hút được người lao động quay trở lại làm việc sau thời gian giãn cách. Các đơn vị may miền Bắc và miền Trung đã nhanh chóng tận dụng được cơ hội, mạnh dạn chuyển sang làm đơn hàng không phải là thể mạnh và đã thu được kết quả tốt.

Kết quả chung của Tập đoàn năm 2021: hoàn thành vượt ở mức cao kế hoạch ĐHĐCĐ giao về chỉ tiêu lợi nhuận:

+ Công ty mẹ: doanh thu vượt 7,0%, lợi nhuận vượt 54,9% so với kế hoạch

+ Hợp nhất: doanh thu đạt 98% kế hoạch, lợi nhuận vượt 108% so với kế hoạch



2.3.2.2. Tình hình tài chính:

Một số chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ Tập đoàn:

+ Tổng tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2021 là 8.435 tỷ đồng, tăng 169 tỷ đồng tương đương 2% so với đầu năm chủ yếu từ lợi nhuận năm 2021.

+ Hiệu quả sử dụng vốn: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 5,2% tăng 2,7% so với năm 2020.

+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,38.

+ Tình hình tài chính ổn định, khả năng thanh toán ở mức an toàn.

Về công nợ:

+ Tổng nợ phải thu: 2.701 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.143 tỷ đồng, phải thu dài hạn là 1.558 tỷ đồng (bao gồm khoản cho các công ty con vay lại từ nguồn vay ADB: 1.272 tỷ đồng).

+ Tổng nợ phải trả: 2.334 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 615 tỷ đồng, nợ phải trả dài hạn là 1.719 tỷ đồng (bao gồm khoản vay từ ADB là 1.513 tỷ đồng).

2.3.2.3. Tình hình đầu tư

- Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng và căn hộ 39-41-43 Võ Văn Kiệt – Quận 1- TP Hồ Chí Minh: đang tiếp tục triển khai theo kế hoạch. Tiến độ thi công đã được điều chỉnh chậm lại do bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19.
- Dự án đầu tư Nhà máy Sợi Nam Định – giai đoạn 2 tại KCN Hòa Xá – Nam Định: đang hoàn thiện dự án khả thi trình HĐQT phê duyệt.
- Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng, cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại 458 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hà Nội: do không thực hiện được việc sắp xếp, xử lý nhà đất để Tập đoàn làm chủ đầu tư của dự án nên đã thay đổi phương án, để Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 chủ động nghiên cứu khai thác sử dụng khu đất.

2.3.2.4. Thoái vốn

- Trong năm 2021, Tập đoàn đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo: kết quả lãi 19,6 tỷ đồng, thu toàn bộ tiền thoái vốn 47,8 tỷ đồng.
- Hiện tại, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục triển khai định giá các đơn vị trong danh mục thoái vốn đã được phê duyệt.

2.3.3. Giám sát Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán KPMG: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại ngày 31/12/2021; kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

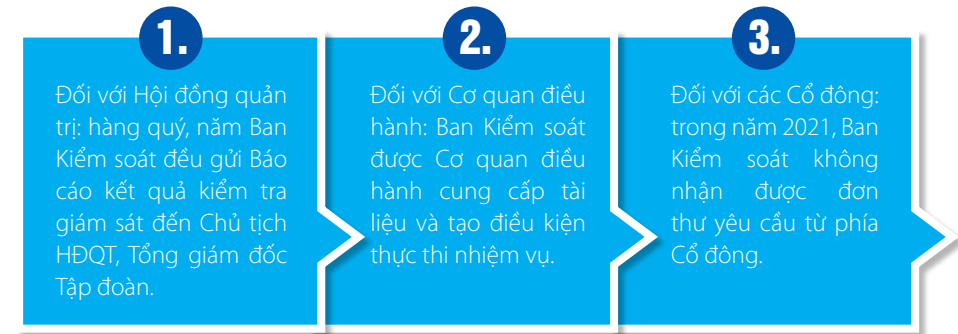
2.3.4. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tham gia soạn thảo tài liệu và giảng dạy các chuyên đề về tài chính kế toán, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ trong chương trình đào tạo nội bộ của Tập đoàn.



Dây chuyền sản xuất Nhà máy Sợi Nam Định

2.4. 4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG



2.5. KHUYẾN NGHỊ

- 1.** Tiếp tục phát huy vai trò của Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên trong việc định hướng chiến lược và chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD cũng như kịp thời hỗ trợ các đơn vị khó khăn trong mọi mặt hoạt động.
- 2.** Nghiên cứu, xác định nhu cầu thị trường trong tương lai để có định hướng chiến lược, đầu tư phù hợp.
- 3.** Tập đoàn cần phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tại từng khu vực, có phương án tái cơ cấu, giảm thiểu việc sử dụng vốn không hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ thoái vốn tại các đơn vị đã có trong danh mục thoái vốn đã được phê duyệt.
- 4.** Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, hướng tới quản lý số toàn Tập đoàn, đặc biệt với các đơn vị Tập đoàn có vốn góp chi phối để có thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trong bối cảnh thị trường diễn biến nhanh.
- 5.** Tiếp tục quan tâm, chú trọng đối với công tác đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ trẻ đáp ứng nhu cầu về nhân sự quản lý cho Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

2.6. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2022



3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi thực sự hài lòng về cách thức phối hợp trong công tác điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giữa Công ty Mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên thời gian qua và đặc biệt được cải tiến mạnh mẽ hơn trong năm 2021. Chính sự phối hợp này đã giúp Vinatex khai thác tối đa được các lợi thế, hạn chế mức thấp nhất các rủi ro trong một năm đầy biến động và là tiền đề để chúng ta thực hiện mục tiêu năm 2025 đầy tham vọng, nhằm đưa Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành Một điểm đến trọn gói đối với các khách hàng Dệt may.

Kính thưa quý vị cổ đông!

Công tác điều hành trong năm 2021 đã được Tập đoàn tổ chức triển khai theo cơ chế vận hành mới, trên cơ sở thành lập các Ban kinh doanh để vận hành linh hoạt, hội tụ sức mạnh chung nhằm tổ chức, triển khai hoạt động kinh doanh (SXKD) của từng ngành xuyên suốt từ Công ty Mẹ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên. Cụ thể:

Đối với hoạt động SXKD Sợi:

Ban SXKD Sợi đã phát huy vai trò dẫn dắt, tổ chức và triển khai kinh doanh ngành sợi đối với 11 doanh nghiệp sợi do Tập đoàn chi phối trên mọi khía cạnh từ thị trường đến kỹ thuật công nghệ và đầu tư.

Ban SXKD Sợi đã cập nhật thường xuyên thông tin thị trường bông, xơ, sợi; xây dựng và duy trì kênh trao đổi thông tin thị trường giữa các đơn vị, giúp đơn vị có thể ra quyết định nhanh, nắm bắt được cơ hội kinh doanh, tối đa hóa biên lợi nhuận. Ban cũng đưa ra định hướng hạn mức tồn kho tối ưu phù hợp với tình hình sản xuất của từng nhà máy, có tính đến việc ứng phó kịp thời với tình trạng khủng hoảng logistic; thường xuyên trao đổi các cơ hội khai thác mặt hàng sợi tái chế recycle để cung cấp cho các khách hàng lớn như HBI, TCE... Bên cạnh đó, Ban SXKD Sợi còn thiết lập cơ sở dữ liệu dùng chung, trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng máy móc thiết bị của ngành Sợi tại các doanh nghiệp. Về khía cạnh đầu tư, Ban SXKD Sợi đã tổ chức triển khai phân bổ quy hoạch phát triển năng lực ngành sợi, tiến hành tổ chức thẩm định các dự án đầu tư của các đơn vị thành viên theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, giúp các doanh nghiệp có hướng đi rõ ràng, tránh cạnh tranh nội bộ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Nhờ các giải pháp điều hành chủ động, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm như trên cùng với sự khởi sắc của thị trường đã giúp ngành sợi của Tập đoàn năm 2021 đạt kết quả hết sức ấn tượng, là năm đạt kết quả cao nhất từ trước tới nay.



Đối với hoạt động SXKD Vải:

Năm 2021, Ban SXKD Vải tập trung vào công tác thị trường cho mặt hàng vải dệt kim - sản phẩm trọng tâm trong Chiến lược của Tập đoàn, trở thành cầu nối giữa khách hàng và doanh nghiệp. Chính nhờ vậy mà một số doanh nghiệp dệt nhuộm của Tập đoàn đã tham gia được vào chuỗi sản xuất của các khách hàng lớn như HBI, TCE. Bên cạnh đó, Ban cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đề ra định hướng phát triển ngành vải của Tập đoàn, xây dựng các dự án đầu tư, từng bước hoàn thiện chuỗi cung ứng sợi - dệt nhuộm - may, thực hiện thành công chiến lược "Một điểm đến trọn gói" của Tập đoàn giai đoạn 2022-2025.

Đối với hoạt động SXKD Khăn và Gia dụng

Là ban mới mới thành lập, Ban SXKD Khăn và Gia dụng đã xây dựng kế hoạch phát triển các sản phẩm khăn và gia dụng hướng tới việc cung cấp các sản phẩm từ chăn ga gối khăn cho nhà hàng khách sạn, đây cũng được coi là những mặt hàng chiến lược có chuỗi cung ứng khép kín trong toàn Tập đoàn. Ngoài ra, Ban cũng phối hợp với Ban Đầu tư và Phát triển và các doanh nghiệp thành viên

trong hoạt động nghiên cứu và phát triển một số sản phẩm mới như sợi lõi, vải chức năng.

Nhìn lại hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, có thể thấy rõ 9 điểm nhấn quan trọng mà Tập đoàn đã đạt được, góp phần tạo nên kết quả SXKD ấn tượng, đó là:

Các doanh nghiệp phía Nam của Tập đoàn vững vàng vượt qua đại dịch, phục hồi 90% năng lực ngay sau khi 19 tỉnh phía Nam mở cửa trở lại trong tháng 10, đơn hàng dồi dào, góp phần quan trọng giữ vững năng lực sản xuất của toàn Tập đoàn.

Công tác dự báo 2021 đã có những đóng góp tích cực vào kết quả chung. Ngay khi có chủ trương sản xuất "3 tại chỗ" và "một cung đường, hai điểm đến", vào tháng 5/2021, Tập đoàn đã tổ chức hội thảo đánh giá diễn biến thị trường, tình hình dịch bệnh, phương án tổ chức sản xuất trong điều kiện dịch bệnh... Qua đó xác định dịch bệnh tiếp tục diễn biến khó lường và ngành may về cơ bản không thể áp dụng "3 tại chỗ" do công nhân đông, cơ sở vật chất không đảm bảo an toàn khi bố trí ăn ở tại chỗ, nếu bố trí ít thì cũng không giải quyết được đơn



hàng; ngành sợi - dệt có thể đáp ứng sản xuất “3 tại chỗ”, đảm bảo được trên 80% sản lượng so với bình thường. Do vậy đã có kế hoạch chi tiết cho từng khu vực (từ thị trường, lao động, đến tổ chức sản xuất, logistic...), giúp các doanh nghiệp chủ động xây dựng và triển khai sớm các phương án hoạt động trong điều kiện dịch bệnh.

Tận dụng tốt cơ hội trong phòng chống dịch và nâng cao hiệu quả trong SXKD. Tập đoàn đã chủ động kiến nghị chính sách và khai thác nhanh, hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là chính sách tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19; tổ chức chia sẻ các bài học quý, kinh nghiệm hay trong phòng chống dịch giữa các đơn vị. Đồng thời, Tập đoàn cũng chỉ đạo các đơn vị mạnh dạn chuyển sang sản xuất mặt hàng vốn không phải là thế mạnh và thu được kết quả tích cực.

Kiểm soát tốt các điểm nóng. Đối với các doanh nghiệp đang gặp khó khăn, Công ty Mẹ Tập đoàn đã tham mưu sâu, phối hợp chặt chẽ với ban điều hành doanh nghiệp trong công tác tái cấu trúc, củng cố năng lực sản xuất và phát triển thị trường, qua đó giúp các doanh nghiệp từng bước vượt qua khó khăn, bước đầu hoạt động có hiệu quả và tình hình tài chính được đảm bảo.

Tăng năng lực sản xuất thêm 5,5 vạn cọc sợi với suất đầu tư thấp. Với tinh thần “trong cái khó ló cái khôn”, lãnh đạo Tập đoàn đã sớm nhìn ra cơ hội trong khó khăn và chỉ đạo các đơn vị thành viên không chỉ đẩy mạnh đầu tư chiều sâu mà tiếp tục đầu tư mở rộng khi cơ hội đến. Nhờ vậy, Tập đoàn đã nâng cao được năng lực sản xuất sợi thêm 5,5 vạn cọc với trình độ công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường nhưng chi phí đầu tư thấp (thấp hơn từ 30-50% so với thời điểm hiện nay).

Tập đoàn đã xây dựng được cơ chế vận hành mới, thông qua việc thành lập các Ban SXKD chuyên biệt nhằm hội tụ năng lực kỹ thuật, thị trường, tạo sức mạnh tập trung trong từng ngành sản xuất. Qua đó, các doanh nghiệp tương tác hỗ trợ nhau một cách tích cực, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của toàn Tập đoàn được nâng cao.

Liên kết hữu cơ giữa Công ty Mẹ và các đơn vị chi phối được nâng lên tầm cao mới, việc điều hành SXKD theo hợp nhất đã dần xóa bỏ khoảng cách giữa Công ty Mẹ, công ty 100% vốn và công ty chi phối. Đây là tiền đề quan trọng để hình thành chuỗi cung ứng nội bộ, hướng tới sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Chuyển đổi số đang mang đến kết quả tích cực và được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Tập đoàn trong năm 2021 cũng như giai đoạn 2022 - 2025. Mục tiêu của nhiệm vụ này là xây dựng một nền tảng quản trị và vận hành sử dụng chung trong hoạt động SXKD Dệt may cho Tập đoàn và đơn vị thành viên, trên tất cả các trụ cột tài chính - khách hàng - sản xuất - nhân lực. Trong năm 2021, Tập đoàn đã hình thành quy hoạch tổng thể mô hình quản trị vận hành sau khi số hóa các tác nghiệp cụ thể từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên và triển khai thử nghiệm phần mềm Quản trị sản xuất ngành Sợi tại một số đơn vị, mang lại hiệu quả khả quan.

Tăng cường đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ trực tuyến cho các học viên là cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ nguồn của Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Các khóa đào tạo này đã củng cố và cập nhật kiến thức cho học viên; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nhân sự quản lý cấp trung, duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong điều kiện mới. Đặc biệt, Tập đoàn đã tổ chức riêng một lớp đào tạo để tăng cường năng lực triển khai chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt của văn phòng Tập đoàn và các đơn vị thành viên.



Cùng với đó, Tập đoàn đã thực hiện hơn 20 buổi Hội thảo trực tuyến để đào tạo, bồi dưỡng về chiến lược phát triển cho cán bộ các đơn vị thành viên.

Với những nỗ lực như vậy, năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD, cụ thể:

Doanh thu hợp nhất đạt 16.985 tỷ đồng, đạt 97,8% kế hoạch, tăng 14,4% so với năm 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 1.456,5 tỷ đồng, vượt 108,1% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông, tăng 145,5% so với năm 2020.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021		% TH/KH	% so 2020
		KH ĐHCĐ	TH		
Doanh thu	14.842.614	17.365.000	16.985.353	97,8%	114,4%
LNTT	593.395	700.000	1.456.491	208,1%	245,5%
ROE	7,03%		15,35%		218,3%

- Đối với Công ty mẹ:

- Doanh thu năm 2021 đạt 1.629 tỷ đồng, vượt 7,0% so với kế hoạch, tăng 12,7% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 310,9 tỷ đồng, vượt 54,9% so với kế hoạch, tăng 112,7% so với cùng kỳ.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021		% TH/KH	% so 2020
		KH	TH		
Doanh thu	1.445.774	1.522.760	1.629.154	107,0%	112,7%
LNTT	146.202	200.775	310.939	154,9%	212,7%
LNST	146.202		310.475		212,4%
ROE	2,50%		5,23%		

Tình hình tài chính (theo báo cáo tài chính Hợp nhất) có nhiều chuyển biến tích cực)

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2020	Năm 2021	So sánh
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,29	1,37	106,1%
2. Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,86	0,89	103,5%
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,77	0,79	101,9%
2. Ngày tồn kho bình quân (ngày)	88	77	87,3%
3. Ngày thu tiền bình quân (ngày)	84	68	82,0%
4. Ngày trả tiền bình quân (ngày)	311	274	87,9%
5. Vòng quay Vốn lưu động (vòng)	1,67	1,90	113,6%
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH			
1. Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản (lần)	0,55	0,55	100,0%
2. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu (lần)	1,24	1,21	97,5%
3. Khả năng tài trợ vốn dài hạn (tỷ đồng)	1.628	2.558	157,1%
HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
6. Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA) (%)	2,96%	6,90%	232,9%
7. Tỷ lệ lãi ròng (ROE) (%)	7,03%	15,35%	218,3%
PHÂN TÍCH CỔ PHIẾU			
1. EPS (đồng)	1.121	2.648	236,2%
2. BVPS (đồng)	15.907	18.274	114,9%

KẾ HOẠCH 2022

Thế giới trải qua quý đầu tiên của năm 2022 với quá nhiều những biến cố bất định. Xung đột Nga - Ukraina khiến thị trường tài chính và hàng hóa chao đảo. Giá dầu tăng cao và lạm phát cao ở Châu Âu, Mỹ đang tác động không nhỏ đến dệt may thế giới nói chung và dệt may Việt Nam nói riêng, trong đó có Vinatex.

Tuy nhiên, ngay trong điều kiện kinh tế thế giới bất ổn, ngành Dệt May Việt Nam vẫn đứng trước những cơ hội phát triển tương đối thuận lợi:

Theo dự báo tháng 3/2022 của JP Morgan, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, giảm 1% so với dự báo trước đây, nhưng vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương 3 - 3,5%. Thêm vào đó, việc Việt Nam vươn lên trở thành nhà cung cấp sản phẩm dệt may tốt nhất thế giới trong năm 2021



đã tạo vị thế vững chắc cho dệt may Việt Nam, tạo đà cho việc thu hút các đơn hàng trong năm 2022.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia đều đã mở cửa trở lại bất chấp việc dịch bệnh Covid -19 chưa được kiểm soát hoàn toàn (trừ Trung Quốc vẫn duy trì chính sách Zero - Covid),



khiến chuỗi sản xuất và thương mại dệt may gần như trở về trạng thái bình thường trước dịch bệnh với các đơn hàng sản xuất dài hạn hơn.

Dệt may Việt Nam tiếp tục cơ hội mở rộng thị trường với các FTA trong đó RCEP bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2022. Mặt khác, dòng vốn FDI vẫn đổ vào dệt may Việt Nam và có xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực thượng nguồn như sản xuất sợi, vải, giúp mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ hiện đại, góp phần cân đối nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho ngành dệt may.

Trung Quốc là đối tác chính cung cấp nguồn nguyên liệu dệt may, đồng thời cũng là thị trường tiêu thụ hàng dệt may lớn thứ 2 của Việt Nam. Ngành dệt may Trung Quốc đang hướng đến sản xuất bền vững, phát triển chiều sâu hơn là mở rộng sản xuất. Vì vậy, nước này sẽ dịch chuyển sản xuất hoặc tăng cường nhập khẩu nguồn nguyên liệu thô như sợi và giảm sản xuất các mặt hàng dệt may ít giá trị gia tăng hơn. Đây cũng là cơ hội cho dệt may Việt Nam thay thế Trung Quốc ở phân khúc sản phẩm này.

Xung đột thương mại Mỹ - Trung tuy có tín hiệu hạ nhiệt nhưng chưa thể chấm dứt và có thể tiềm ẩn leo thang nếu Trung Quốc bị vạ lây khi Mỹ cấm vận Nga. Chính sách của Mỹ cấm nhập khẩu hàng hóa có nguồn gốc bông Tân Cương vẫn tiếp tục có hiệu lực trong năm 2022. Điều

này tạo cơ hội cho Việt Nam trở thành điểm cung ứng dệt may thay thế khi người mua dịch chuyển đơn hàng khỏi Trung Quốc.

Bên cạnh đó, ngành Dệt May Việt Nam cũng phải đối mặt với những thách thức không nhỏ:

Đầu năm 2022, dự báo tăng trưởng kinh tế chậm lại cùng với việc giá dầu và lạm phát tăng cao ở các thị trường dệt may chính, gián tiếp làm giảm cầu tiêu dùng, trong đó có dệt may. Giá dầu và lạm phát cao, nguyên liệu đầu vào bông và các chi phí đầu vào khác ở mức cao mới cũng làm chi phí sản xuất của chuỗi dệt may tăng. Hạ nguồn dệt may đang kháng cự mạnh mẽ với việc tăng giá bằng cách giảm nhu cầu.

Các quốc gia và khu vực lớn như Mỹ và Châu Âu đang siết chặt nguồn cung tiền. Fed đã có động thái tăng lãi suất lần đầu lên 0,25 điểm phần trăm và có thể sẽ tăng lãi suất 6 lần nữa trong năm 2022. Dòng tiền đổ vào tiêu dùng bị hạn chế, làm giảm cầu đối với dệt may.

Chuỗi dệt may là chuỗi sản xuất, thương mại toàn cầu. Vì vậy, tắc nghẽn logistic hiện vẫn là rào cản lớn đối với các nhà sản xuất dệt may. Tiến độ giao hàng chậm, nguy cơ đứt gãy nguồn cung khiến chi phí đầu vào và chi phí vận chuyển tăng cao đang tạo áp lực lớn đối với ngành dệt may. Đặc



biệt, Trung Quốc vẫn đang duy trì chính sách Zero - Covid, đóng biên đóng cảng càng khiến vấn đề logistic và thiếu hụt nguyên liệu sản xuất thêm trầm trọng.

Ngành du lịch thế giới đang mở cửa trở lại, thu hút một lượng lớn người lao động. Do đó, ngành dệt may có thể phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động do dịch chuyển sang ngành du lịch hoặc nghỉ làm do mắc Covid-19, gây khó khăn cho tổ chức sản xuất kinh doanh và làm giảm hiệu quả của doanh nghiệp.

Xu hướng phát triển xanh, bền vững của Dệt may thế giới cũng đang tạo ra áp lực cho dệt may Việt Nam, trong đó có Vinatex. Hệ thống cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị và quy trình sản xuất truyền thống đang là rào cản cho dệt may Việt Nam. Để đáp ứng được các tiêu chuẩn phát triển xanh, bền vững, dệt may Việt Nam cần có sự đầu tư, đổi mới cả về máy móc thiết bị, nhà xưởng và tư duy quản lý, sản xuất cũng như nguồn nguyên liệu xanh.

Với những cơ hội và thách thức như trên, có thể nói ngành Dệt May Việt Nam năm 2022 tuy có tín hiệu khởi sắc nhưng nhiều thách thức đang bủa vây, khiến biên lợi nhuận năm 2022 chắc chắn sẽ thấp hơn nhiều so với năm 2021.

MỤC TIÊU SXKD

Trước những cơ hội và thách thức từ thị trường cũng như năng lực hiện có và triển khai chiến lược "một điểm đến" của Tập đoàn, cơ quan điều hành Tập đoàn đề xuất kế hoạch năm 2022 của Tập đoàn, trong đó ưu tiên sự ổn định bền vững để đảm bảo thực hiện được chiến lược một điểm đến:

Kế hoạch Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	So sánh
Doanh thu	16.985.353	18.067.000	106,4%
Chi phí	15.528.862	17.116.000	110,2%
Lợi nhuận	1.456.491	951.000	65,3%

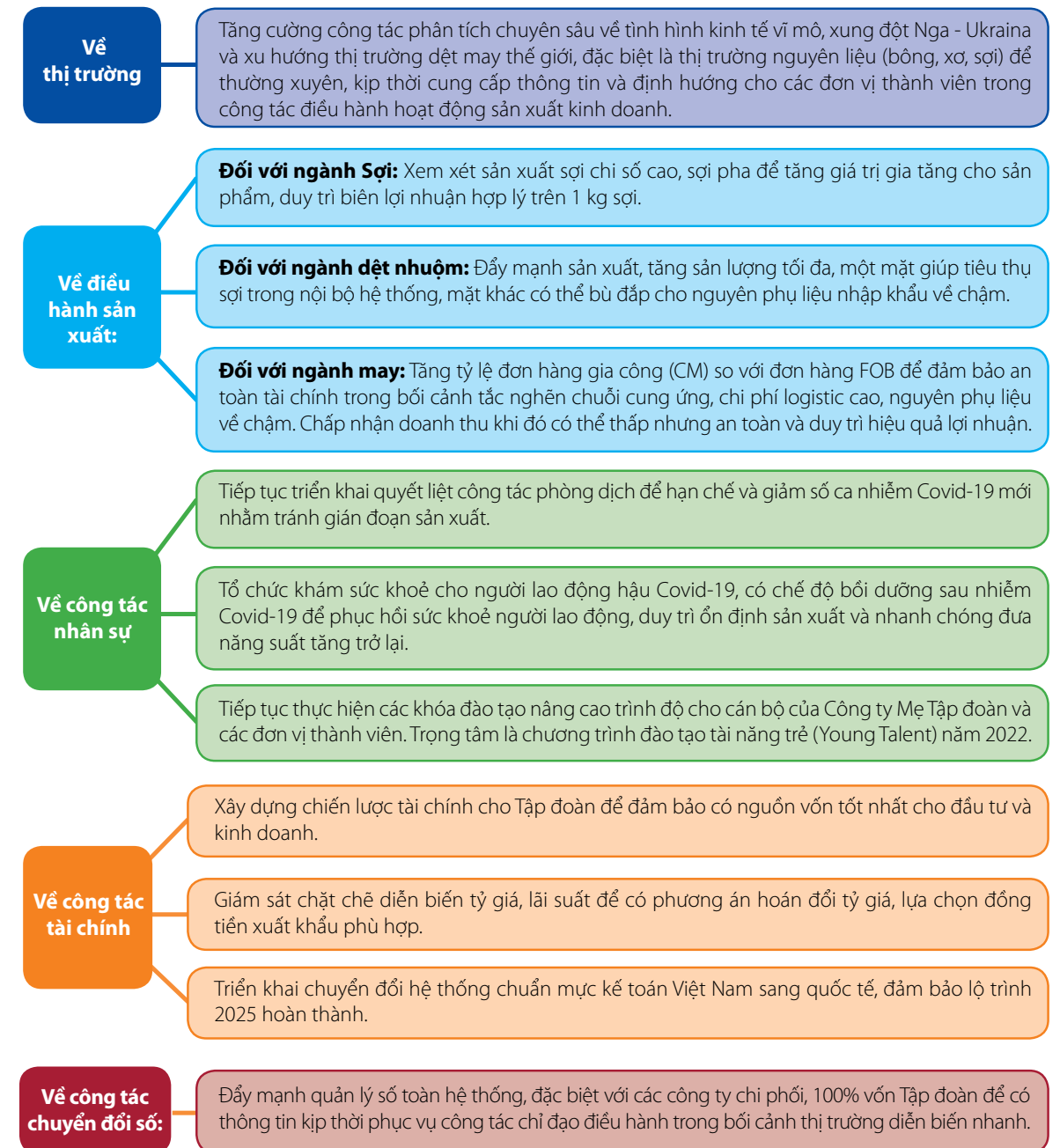
Kế hoạch Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	So sánh
Doanh thu	1.629.154	1.750.000	107,4%
Chi phí	1.318.215	1.419.345	107,7%
Lợi nhuận	310.939	330.655	106,3%

- Kế hoạch đầu tư năm 2022 theo chiến lược "Một điểm đến cung ứng giải pháp trọn gói về dệt may thời trang cho khách hàng doanh nghiệp". Vinatex sẽ tiếp tục ưu tiên triển khai các dự án đầu tư nguồn nguyên liệu và dự án dệt kim để đảm cân bằng chuỗi sản xuất.

Để có thể thực hiện thành công mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022, Tập đoàn cần triển khai tốt các giải pháp sau:



Với sự phối hợp linh hoạt và khả năng thích nghi hoạt động trong một môi trường kinh doanh đầy biến động, Cơ quan điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam vững tin vào một tương lai bền vững, ngày càng mang lại giá trị gia tăng lớn hơn cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Trân trọng cảm ơn!

4. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Trải qua một năm nhiều biến động, toàn hệ thống Vinatex phải đối mặt với những khó khăn thách thức chưa từng có tiền lệ do tình hình đại dịch Covid-19 đưa đến với diễn biến dịch bệnh lan rộng, nhiều biến thể nguy hiểm xuất hiện, các biện pháp kiểm soát dịch bệnh được thực hiện trong phạm vi cả nước và đặc biệt nghiêm ngặt tại khu vực 19 tỉnh phía Nam. Có thời điểm việc tổ chức sản xuất của nhiều nhà máy bị gián đoạn, lúc cao điểm nhất, Tập đoàn Dệt May

Việt Nam có khoảng 60.000 lao động không thể đến nhà máy, chiếm 40% lực lượng toàn hệ thống.

Tuy nhiên, với nền tảng quản trị doanh nghiệp phù hợp, trong đó có hoạt động quản trị rủi ro (QTRR), Vinatex đã thể hiện được vai trò dẫn dắt doanh nghiệp ứng phó linh hoạt để đạt được mục tiêu kép kiểm soát dịch và duy trì sản xuất kinh doanh hiệu quả. Hệ thống QTRR đã có những đóng góp đáng ghi nhận trong kết quả ấn tượng của năm 2021.

Bước tiến quan trọng của hoạt động quản trị rủi ro là đã tập trung tích hợp vào hoạt động thường xuyên, hàng ngày để gia tăng hiệu quả của hệ thống QTRR thông qua các hoạt động chính như sau:

DỰ BÁO VÀ LẬP KẾ HOẠCH

Chú trọng công tác dự báo và cập nhật thường xuyên sát với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường để đưa ra các giải pháp kịp thời phòng tránh và giảm thiểu tác động rủi ro.



THỰC HIỆN

Tích hợp quản trị rủi ro trong quá trình ra quyết định và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.



KIỂM TRA

Thực hiện đánh giá rủi ro, triển khai kiểm toán nội bộ trên các khía cạnh rủi ro trọng yếu.



HÀNH ĐỘNG

- Triển khai chiến lược "một điểm đến" và chiến lược chuyển đổi số
- Tiến hành các chương trình truyền thông, chương trình đào tạo về quản trị rủi ro do Lãnh đạo cao cấp của Tập đoàn giảng dạy
- Tổ chức các buổi hội thảo về cập nhật chiến lược, tình hình Covid-19, tình hình thị trường...
- Triển khai các hoạt động giúp tăng tính liên kết trong hệ thống...

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2022:

Bước sang năm 2022 với trạng thái "bình thường mới" của thế giới và quan điểm "thích ứng linh hoạt" của Việt Nam nhưng tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ngờ khó lường trước như các biến chủng mới Covid-19, bất ổn chính trị tại Nga và Ukraina, chính sách zero Covid của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng khó định lượng đến tình hình kinh tế chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu, thách thức trong chi phí logistic... Trong hoàn cảnh này, đòi hỏi hệ thống quản trị doanh nghiệp trong đó có hệ thống quản trị rủi ro phải tiếp tục chủ động dự báo, đưa ra các giải pháp kịp thời, giúp biến "nguy" thành "cơ", củng cố và tận dụng thế mạnh, tăng cường liên kết trong toàn hệ thống để đạt được mục tiêu chiến lược và vươn tới tầm cao mới.

Các hoạt động thực hiện thường xuyên được triển khai với nhiều cải tiến mới là:

01

Thực hiện hiệu quả đánh giá rủi ro và đưa ra cảnh báo khuyến nghị/ giải pháp/ kế hoạch hành động của các rủi ro luôn đảm bảo được xem xét trên nhiều khía cạnh và thống nhất triển khai; quá trình xem xét có sự đồng hành của các chương trình kiểm toán hàng năm được Ban Kiểm soát và bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Văn phòng HĐQT phối hợp thực hiện.

02

Tiếp tục triển khai và nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác nghiên cứu dự báo, cập nhật liên tục tình hình kinh tế, tình hình thị trường và giá cả của hàng hoá, nguyên phụ liệu liên quan đến hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh.

03

Xây dựng chương trình hành động liên quan đến trách nhiệm xã hội, sản xuất xanh để giảm thiểu, phòng tránh các rủi ro liên quan đến con người, môi trường giúp cho Vinatex và các đơn vị đảm bảo đạt được những tiêu chuẩn liên quan đến việc đánh giá về môi trường cũng như trách nhiệm xã hội từ đó nâng cao được danh tiếng, vị thế trong chuỗi cung ứng, sự tin nhiệm từ phía đối tác và khách hàng.



IV.

QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG
NHÀ ĐẦU TƯ

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

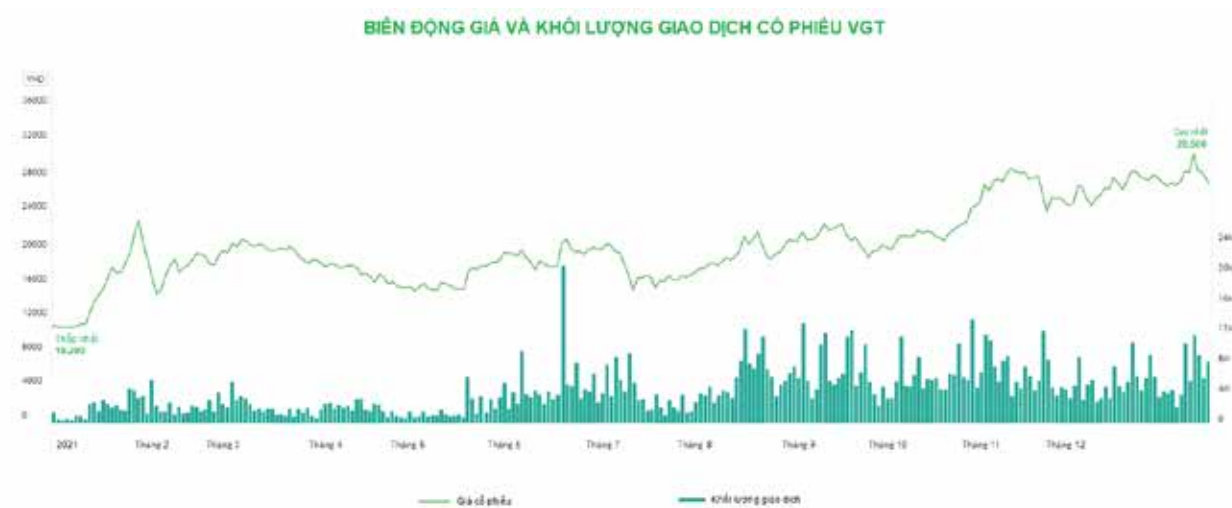
1. THÔNG TIN CỔ PHẦN (tại ngày 31/12/2021)

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	500.000.000 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần
Giá trị vốn hóa trên thị trường	13.450 tỷ đồng

2. BIẾN ĐỘNG GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VGT NĂM 2021

Giá cổ phiếu	Ngày	Giá (đồng/cổ phiếu)
Ngày đóng cửa	31/12/2021	26.900
Thấp nhất	05/01/2021	10.200
Cao nhất	20/12/2021	28.500

Khối lượng giao dịch	Ngày	Khối lượng
Ngày đóng cửa	31/12/2021	2.004.682
Thấp nhất	05/01/2021	271.980
Cao nhất	18/6/2021	20.752.233
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày		4.194.502



3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2021)

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổ chức	20	362.913.000	72,58%
1.1	Trong nước	16	297.255.900	59,45%
1.2	Nước ngoài	4	65.657.100	13,13%
2	Cá nhân	29.181	137.087.000	27,42%
2.1	Trong nước	29.138	136.855.860	27,37%
2.2	Nước ngoài	43	231.140	0,05%
Tổng cộng		29.201	500.000.000	100,00%

4. CỔ ĐÔNG LỚN

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2021)

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH)	267.438.100	53,49%
2	Itochu Corporation	65.000.000	13,00%
3	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	25.000.000	5,00%
Tổng cộng		357.438.100	71,49%

5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

	Họ tên	Chức vụ	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021		Tăng/ Giảm số CP
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	5.500	0,001%	5.500	0,001%	-
2	Trần Quang Nghị	Phó CT HĐQT	10.003.900	2,001%	10.003.900	2,001%	-
3	Nguyễn Xuân Đông	TV HĐQT	15.000.000	3,000%	15.000.000	3,000%	-
4	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT	5.000	0,001%	5.000	0,001%	-
5	Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc	3.300	0,001%	3.300	0,001%	-
6	Lê Mạc Thuấn	Phó TGD	5.100	0,001%	5.100	0,001%	-
7	Lê Trung Hải	Phó TGD	3.100	0,001%	3.100	0,001%	-
8	Phạm Văn Tân	Phó TGD	-	-	2.700	0,001%	(2.700)
9	Đoàn Thị Thu Hương	TV BKS	2.000	0,0004%	-	-	2.000



THÔNG TIN LIÊN LẠC BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

BAN TỔNG HỢP PHÁP CHẾ - TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

- Địa chỉ: 41A Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024 3825 7700
- Fax: 024 3826 2269
- Email: qhcd@vinatex.com.vn
- Website: www.vinatex.com.vn
- Mục quan hệ cổ đông: <https://vinatex.com.vn/quan-co-dong/>



V.

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động trong toàn hệ thống Tập đoàn là **155.000** người,

Thu nhập bình quân toàn Tập đoàn năm 2021 là **8,2** triệu đồng/người/tháng

Thu nhập năm 2021 **tăng 10%** so với năm 2020

1.1. ĐẢM BẢO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH, ĐẢM BẢO TIỀN LƯƠNG - THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN KHÓ KHĂN DO DỊCH BỆNH COVID 19

- Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam nói chung, ngành dệt may nói riêng gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 lan rộng, đặc biệt là các doanh nghiệp phía Nam. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, ngừng việc, ngưng trệ sản xuất từ 2 – 4 tháng. Lãnh đạo Tập đoàn và các doanh nghiệp đã quán triệt toàn hệ thống tập trung toàn lực ưu tiên ổn định lao động, đảm bảo việc làm, tăng cường phòng dịch để không gián đoạn hoạt động và tạo đà phục hồi nhanh sau đại dịch. Thiết lập kênh tương tác thường trực giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên để phản ứng nhanh với diễn biến thị trường, điều phối năng lực sản xuất giữa các đơn vị và kịp thời xử lý điểm nghẽn và chia sẻ cách làm hay, giải pháp tốt, chia sẻ kỹ thuật giữa các đơn vị trong Tập đoàn; vận động người lao động nghỉ và làm việc luân phiên, làm việc theo phương án ba tại chỗ. Vì vậy, người lao động yên tâm, tin tưởng vào lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức Công đoàn. Lực lượng lao động của các doanh nghiệp dần ổn định khi doanh nghiệp phục hồi sản xuất với tỷ lệ 85% - 95% lao động trở lại làm việc sau giãn cách, 98% lao động có mặt sau kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán. Để ổn định thu nhập, bảo đảm việc làm, đời sống cho người lao động, nhiều doanh nghiệp đã sử dụng quỹ tiền lương dự phòng từ các năm trước, sẵn sàng giảm lợi nhuận hoặc thậm chí chấp nhận lỗ. Do đó, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh nhưng việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động trong Tập đoàn vẫn được đảm bảo. Các doanh nghiệp trong Tập đoàn đều đảm bảo tiền lương thứ 13, thưởng Tết cho người lao động, mức từ 1-3 tháng lương.

- Tổng số lao động bình quân toàn Tập đoàn là 65.553 người. Nếu tính cả các công ty con của doanh nghiệp thành viên thì tổng số lao động trong toàn hệ thống Tập đoàn là 155.000 người, bằng 96% so với năm 2020 và bằng 99% so với kế hoạch năm 2021.

- Thu nhập bình quân toàn Tập đoàn năm 2021 là 8,2 triệu đồng/người/tháng, bằng với kế hoạch năm 2021, tăng 5,4% so với 2020. Nếu tính theo giờ công làm việc thực tế (do phải ngừng việc, nghỉ giãn cách do dịch bệnh nên ngày công chỉ bằng 85% so với kế hoạch) thì tiền lương, thu nhập năm 2021 tăng 10% so với năm 2020.

- Chế độ chính sách của người lao động được thực hiện tốt: các doanh nghiệp bảo đảm tiền lương ngừng việc

cho người lao động, ngoài ra có một số doanh nghiệp trả lương ngừng việc cao hơn quy định của Bộ luật Lao động (trả theo mức lương trong hợp đồng lao động). Ngoài việc giải quyết để người lao động được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19, các doanh nghiệp và Công đoàn Dệt May còn hỗ trợ, trợ cấp thêm cho người lao động (*trợ cấp cho gia đình có người tử vong do Covid; hỗ trợ các trường hợp FO nặng phải điều trị tại cơ sở y tế; trợ cấp cho người lao động nghỉ cách ly có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ kinh phí chăm lo bữa ăn ca cho người lao động ở lại sản xuất "3 tại chỗ"; tăng cường dinh dưỡng bữa ăn giữa ca để người lao động nhanh phục hồi sức khỏe sau khi khỏi bệnh,...*)

1.2. ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, QUAN TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc tạo công ăn, việc làm, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên luôn quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí, được huấn luyện về công tác an toàn lao động, kỹ thuật vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Tập đoàn đã tổ chức tiêm vắc xin phòng ngừa Covid-19 cho người lao động tại các đơn vị phía bắc và thường xuyên liên hệ với Bộ Y tế và các địa phương để đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin cho người lao động tại các đơn vị phía Nam.

Các đơn vị sử dụng có nhiều lao động đều có phòng Y tế tư vấn sức khỏe, sơ cấp cứu kịp thời. Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý toàn bộ hệ thống Y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh lý nhất là những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động. Các trường hợp ốm đau đều được thăm hỏi, động viên kịp thời và được trợ cấp ốm đau từ quỹ Công đoàn và doanh nghiệp.

1.3. DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Ngoài việc chấp hành tốt pháp luật lao động, thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và các đơn vị còn có nhiều chính sách phúc lợi tự nguyện, phúc lợi bổ sung cho người lao động như phụ cấp điện thoại, xăng xe, xe đưa đón,

tăng thêm chất lượng bữa ăn trưa, nhà ở, hỗ trợ chi phí test covid; hỗ trợ tiền, hiện vật như sữa, tăng thêm chất lượng bữa để nâng cao sức khỏe người lao động hậu Covid-19... Hầu hết các nhà máy của các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tổ chức xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà; tổ chức nhà giữ trẻ cho người lao động yên tâm công tác; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.

“ Để đảm bảo an toàn về sức khỏe cho người lao động trong tình hình dịch bệnh, năm 2021 Tập đoàn và các đơn vị không tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch nhưng vẫn thực hiện chi chế độ thăm quan, nghỉ mát bằng tiền cho người lao động, thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể. ”



Nhiều doanh nghiệp thành viên trong Tập đoàn nhờ cải tiến công tác quản trị, tiết kiệm được chi phí nên có nguồn để cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động như tổ chức bữa ăn sáng tại doanh nghiệp, khai thác nguồn rau an toàn để bán cho người lao động, triển khai mô hình trồng rau sạch cung cấp cho bữa ăn giữa ca và đưa vào siêu thị bán cho người lao động với giá chỉ bằng 50% so với giá thị trường. Việc áp dụng các chính sách phúc lợi tự nguyện của doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo sức khỏe, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp.

“ Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh nhưng việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động trong Tập đoàn vẫn được đảm bảo. Các doanh nghiệp trong Tập đoàn đều đảm bảo tiền lương thứ 13, thưởng Tết cho người lao động, mức từ 1-3 tháng lương. ”

2. MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

1.4. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động là nhân tố mang lại hiệu quả, tạo nên sự thành công và phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Họ là lực lượng tham gia chính vào các hoạt động của doanh nghiệp, đem đến sự sáng tạo và phát huy những thế mạnh của doanh nghiệp. Vì vậy, Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên của Tập đoàn luôn nhận thức, đánh giá và đề cao tinh thần phát triển người lao động, tối ưu nguồn nhân lực cả về lượng và chất. Đặc biệt, Tập đoàn luôn chú trọng tới công tác đào tạo, định hướng và phát triển người lao động trong toàn hệ sinh thái dệt may.

Trong giai đoạn vừa qua, Tập đoàn đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm từ chuyên môn, nghiệp vụ cho đến những kỹ năng, kiến thức bổ trợ để phát triển người lao động, đặc biệt là người lao động trẻ. Các chương trình đào tạo của Tập đoàn tập trung đào tạo, phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng tin học văn phòng, kỹ năng nâng cao hiệu quả công việc.

Trong năm 2021, mặc dù do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, các lớp đào tạo của Tập đoàn không thể tổ chức tập trung, tuy nhiên Tập đoàn đã kết hợp vận dụng linh hoạt hình thức đào tạo trực tuyến tổ chức thành công 02 chuyên đề đào tạo và 01 khóa đào tạo trực tuyến 11 chuyên đề. Trong đó, chuyên đề “Đổi mới mô hình kinh doanh và tái tạo doanh nghiệp” được tổ chức nhằm nâng cao kiến thức về mô hình kinh doanh, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn và sự cần thiết phải thay đổi mô hình kinh doanh và tái tạo doanh nghiệp. Chuyên đề “Quản trị rủi ro” đưa ra những quan điểm mới về cách phân loại quản trị rủi ro và những sai lầm trong quản trị rủi ro từ đó đưa ra những bài học

và vận dụng vào trong thực tiễn hoạt động quản lý, điều hành tại Tập đoàn và doanh nghiệp.

Khóa đào tạo trực tuyến với đa dạng nội dung kiến thức, kinh nghiệm quản trị trong các lĩnh vực chiến lược, tài chính, sản xuất, marketing, chuỗi cung ứng, thể điểm cân bằng, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, nhân sự diễn ra trong thời gian 03 tháng và thu hút hơn 300 học viên là cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ nguồn đến từ Văn phòng Tập đoàn và 15 đơn vị thành viên. Thông qua khóa đào tạo, học viên được trang bị kiến thức và được vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động tại doanh nghiệp, phát hiện những điểm cần cải thiện, tìm kiếm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công việc và trình bày trước Hội đồng Ban Giám khảo là Lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị. Bên cạnh đó, các học viên cũng được rèn luyện thêm khả năng phát hiện vấn đề, tư duy giải pháp, kỹ năng làm việc nhóm và trình bày.

Các chương trình đào tạo tại Tập đoàn và đơn vị thành viên không chỉ gặt hái được thành công trong việc cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người lao động mà còn thể hiện sự quan tâm và quan điểm quản trị của lãnh đạo Tập đoàn, đơn vị thành viên của Tập đoàn trong việc đề cao nguồn lực con người, chú trọng phát triển năng lực lao động. Mặt khác, chương trình đào tạo giúp gắn kết và hình thành mạng lưới nhân sự tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, góp phần thúc đẩy quá trình xử lý công việc, tận dụng điểm mạnh của các doanh nghiệp và tạo ra văn hóa học tập, không ngừng thi đua, phát triển của cả nhân người lao động và doanh nghiệp.

Các trường đào tạo thuộc Tập đoàn đang đào tạo hơn 15.000 học sinh – sinh viên, mỗi năm cung cấp cho các doanh nghiệp thành viên và thị trường gần 10.000 lao động. Năm 2021, hơn 800 sinh viên ngành dệt may hệ Đại học tốt nghiệp đều có việc làm sau khi tốt nghiệp.



■ Lễ bế giảng chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ cấp trung của Tập đoàn



■ Lãnh đạo Tập đoàn trao đổi với lãnh đạo các Ban về chiến lược giai đoạn 2022-2025

2.1. VẬN HÀNH 3 TRỤ CỘT KINH TẾ - AN SINH - MÔI TRƯỜNG

Với lĩnh vực dệt may, quan niệm cho đây là một ngành giá trị gia tăng thấp, sử dụng nhiều lao động nhưng thu nhập cũng thấp là chưa chính xác. Nó mới chỉ xuất phát từ cách làm của chúng ta, chứ không phải là bức tranh chung của dệt may thế giới.

Trên thực tế, hiện nay ngành dệt may vẫn tồn tại ở các nước phát triển thu nhập gấp 10-15 lần Việt Nam như Pháp, Ý, Đức... cho các phân khúc cao cấp, hàng hiệu. Nhưng tương đồng với Việt Nam là các quốc gia sản xuất quy mô lớn như Trung Quốc, Ấn Độ thì dệt may vẫn được xác định là ngành kinh tế trọng điểm.

Với thực tế của Việt Nam hiện nay, chúng ta khó hình thành những sản phẩm đột phá về công nghệ so với thế giới nhưng chúng ta lại đang ở thời kỳ dân số vàng. Vì vậy, không thể coi nhẹ ngành công nghiệp dệt may mà phải coi đây là ngành quan trọng trong vòng vài chục năm tới vì sử dụng được số lượng lớn lực lượng lao động tay nghề đào tạo ngắn hạn (dưới 3 tháng) nhưng lại có thu nhập cao hơn 2-3 lần lao động nông nghiệp. Vấn đề là phải tập trung đầu tư xây dựng công nghiệp dệt may đáp ứng được yêu cầu cao của các hiệp định thương mại tự do mới là đi từ sợ để từng bước tham gia được cả vào 4 công đoạn: thiết kế - sản xuất nguyên liệu - gia công -

phân phối của ngành công nghiệp dệt - may trong vòng 20-30 năm tới, giúp giải quyết được việc làm cho một số lượng lớn lao động nông nghiệp chuyển đổi nghề. Do vậy, phải gắn phát triển công nghiệp dệt - may với quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, đô thị hóa nông thôn Việt Nam.

Hiện tại dệt may Việt Nam đang sử dụng khoảng 2,5 triệu lao động trên cả nước, tạo ra KNXX 40 tỷ USD, thặng dư thương mại (kim ngạch XK trừ đi KN nhập khẩu nguyên phụ liệu cho dệt may) đạt gần 20 tỷ USD là ngành có thặng dư cao nhất trong các ngành xuất khẩu do có tỷ lệ nội địa hóa khả quan nhất. Đồng thời đang chi trả thu nhập cho NLD khoảng 3800 USD/người/năm. Với mục tiêu khả thi có thể đạt KNXX khoảng 70 tỷ USD đến năm 2030, ngành dệt may hoàn toàn có thể sử dụng khoảng 4 triệu lao động trực tiếp (tăng 1,5 triệu so với hiện nay) và tạo việc làm cho 1,5 triệu lao động dịch vụ phục vụ ngành. Cùng với tỷ lệ lưu trí tự nhiên 5%/năm, mỗi năm ngành có thể tạo việc làm cho 250.000-300.000 việc làm mới.

Để đạt được mục tiêu này trước hết cần thay đổi tư duy về ngành dệt may của đất nước lớn thứ 2 về xuất khẩu dệt may trên thế giới. Do đó không thể sản xuất phân tán, vụn vặt, quy mô nhỏ, không có ngành sản xuất nguyên liệu và ngành nghiên cứu phát triển về vật liệu, thiết kế. Kinh nghiệm từ quy hoạch dệt may của 2 quốc gia lớn

nhất thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ thì nhà nước đều có đầu tư các khu tập trung lớn quy mô hàng ngàn hecta cho sản xuất nguyên liệu và khoảng 20% nguyên liệu được làm đến khâu may tại KCN. Xác thực vai trò của Một điểm đến cung ứng trọn gói giải pháp cho người mua hàng hoá dệt may toàn cầu. Tại Trung Quốc, có những địa phương cấp huyện được quy hoạch chiến lược chuyên sản xuất vải như tại Thiệu Hưng – Chiết Giang với quy mô KNXX của huyện lên trên 25 tỷ USD/năm, có lợi thế cạnh tranh lớn về quy mô, giao hàng nhanh, giao được trọn gói các loại mặt hàng và kích cỡ đơn hàng từ nhỏ đến lớn. Chính nhờ các trung tâm này mà hiện nay xuất khẩu dệt may của Trung Quốc trên 300 tỷ USD thì hàng may mặc chỉ còn khoảng 140 tỷ USD, còn lại là nguyên liệu công nghiệp, kể cả ngành sản xuất thiết bị dệt may cũng được tích hợp chung vào chiến lược phát triển dệt may.

Với cách tiếp cận đó, ít nhất Việt Nam cần 8 - 10 khu công nghiệp quy mô trên 1000 ha cho dệt may với 1 ở trung du Bắc bộ, 2 đồng bằng nam sông Hồng, 1 Bắc trung bộ, 2 ở Trung bộ và Nam trung bộ, 2 ở Nam bộ. Các khu CN cần có điều kiện tiếp cận giao thông thuận tiện với cảng biển, có quy hoạch để xây dựng KTX cho công nhân. Mỗi khu công nghiệp sẽ có module đầu tư từ 1 triệu – 1,5 triệu cọc sợi, khả năng sản xuất 150 triệu mét vải dệt thoi, 60.000 tấn dệt kim, và khoảng 250 triệu sản phẩm may. Toàn khu đạt KNXX từ 2,3-2,5 tỷ USD, thu hút 25-30.000 lao động. Các khu tập trung chủ yếu sản xuất nguyên liệu nên sử dụng ít lao động, kim ngạch xuất khẩu trên đầu người cao gấp 3-4 lần hiện nay (hiện nay 40-50.000 lao động mới tạo ra 1 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu nếu chỉ dựa vào khâu may)

Dệt may cùng các ngành thâm dụng lao động đảm bảo hài hòa phát triển kinh tế xã hội theo mô hình tam giác phát triển: kinh tế - môi trường sống – an sinh phúc lợi xã hội. Trong đó chú trọng việc quy hoạch hạ tầng cho lao động sống ổn định cả về văn hoá – tinh thần – giáo dục.

Trong quá trình phát triển kinh tế, tất yếu là chúng ta phải có tác động vào hệ cân bằng sinh thái – môi trường sống của con người. Vấn đề là sau đó chúng ta ứng xử thế nào. Với dệt may, hiện nay vấn đề các địa phương lo ngại là nước thải khi sản xuất vải, tuy nhiên không thể tiếp cận theo hướng có rủi ro thì không cho làm, mà nên quản trị rủi ro theo pháp luật. Có quy định, có đánh giá cấp phép hoạt động và sẵn sàng đóng cửa nếu vi phạm về môi trường. Đảm bảo công bằng trong cạnh tranh giữa doanh nghiệp tuân thủ và doanh nghiệp vi phạm

Phân tích khách quan về nhu cầu của thị trường thế giới, hành vi của chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như các điều kiện về dân cư – thu nhập của Việt Nam cho thấy, đến năm 2045, ngành dệt may vẫn còn có dư địa phát triển và lợi thế cạnh tranh. Vấn đề là trong quy hoạch vĩ mô

chúng ta có xác định duy trì và phát triển ngành dệt may hay không? Nếu dự kiến có ngành này trong cơ cấu kinh tế Việt Nam đến 2045 thì cần có chính sách cụ thể, nhất là quy hoạch phát triển theo hướng duy trì và củng cố vị trí là quốc gia có quy mô xuất khẩu dệt may nằm trong top 3 của thế giới. **Đáp ứng được các yêu cầu của cả 3 trụ cột Kinh tế - An sinh - Môi trường.**

2.2 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG & NĂNG LƯỢNG NĂM 2021

Các ngành sản xuất chính của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Sợi, Dệt, Nhuộm, May mặc và Phân phối sản phẩm, chất thải từ các hoạt động này bao gồm nước thải, khí thải và chất thải rắn.

Tại các đơn vị sản xuất Dệt - Nhuộm chất thải gồm cả nước thải, khí thải và chất thải rắn. Những chất thải này đều được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh.

Đối với các Doanh nghiệp Sợi và May, nguồn thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt và chất thải rắn. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo đúng quy định trước khi xả vào môi trường. Chất thải rắn là bông nhồi, bông phế, vải vụn được thu gom và tái sử dụng cho các mục đích như trồng nấm, vật liệu nhồi.

Ngoài ra, Tập đoàn còn có một Bệnh viện với các nguồn thải là nước thải y tế và chất thải rắn (thông thường và chất thải nguy hại). Toàn bộ các chất thải này được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Hệ thống XLNT của Bệnh viện hoạt động ổn định, chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.

Trong năm 2021, giai đoạn nền kinh tế thế giới phục hồi sau đại dịch Covid-19 tuy nhiên tình hình dịch bệnh trong nước lại diễn biến hết sức phức tạp. Tất cả các doanh nghiệp của Tập đoàn đều phải chịu tác động của việc phong tỏa, giãn cách xã hội, người lao động bị nhiễm bệnh, cách ly, xét nghiệm,... hoạt động bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng của các đơn vị thành viên vẫn được thực hiện nghiêm túc, từng bước đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

2.2.1 Công tác quản lý môi trường của Tập đoàn

Hiện nay, 100% các đơn vị sản xuất thuộc Tập đoàn đều có bộ phận phụ trách về các vấn đề môi trường. Tuy nhiên chỉ có một số đơn vị có cán bộ chuyên trách, còn lại hầu hết là các cán bộ kỹ thuật của nhà máy phân xưởng đang kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường.



Các bảng dưới đây là những số liệu liên quan đến hoạt động Bảo vệ môi trường và Tiết kiệm năng lượng của các đơn vị thành viên Tập đoàn nắm giữ trên 51% vốn.

2.2.2 Tình hình tiêu thụ năng lượng

Lượng điện SD năm 2021 (KWH)		Năng lượng sử dụng năm 2021 (TOE/năm)		So với năm 2020 (%)
Điện KWH	Qui đổi (TOE)	NL tiêu thụ trực tiếp	NL tiêu thụ gián tiếp	
377.048.168	58.796	25.647	9.486	Giảm 22%

Các đơn vị sử dụng điện từ 1000TOE trở lên đều thực hiện kiểm toán năng lượng theo đúng quy định, 3 năm/lần.

Thực hiện chủ trương tiết kiệm năng lượng và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo của Tập đoàn, tiếp nối hoạt động của năm 2020 đã lập đặt và sẵn sàng sử dụng 11Mb điện từ mặt trời áp mái, năm 2021 và những năm tiếp theo, chủ trương tận dụng hết ưu thế, tiềm năng về điện mặt trời áp mái cho sản xuất.

2.2.3 Tình hình Tiêu thụ nước cấp và xử lý nước thải năm 2021

Nước cấp

Lượng nước tiêu thụ năm 2021 (m3/năm)			So với năm 2020 (%)		Nguồn nước sử dụng	Giá Bình quân (vnd/m ³)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước SD	Nước sản xuất	Nước sinh hoạt		
1.313.304	575.677	1.888.981	Tăng 28%	Tăng 39%	Chủ yếu là mua	14.061

3. HIỆN ĐẠI HÓA GẮN LIỀN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

Nước thải

Lượng nước thải năm 2021 (m ³ /năm)			So với năm 2020 (%)	Công nghệ xử lý nước thải	Chi phí xử lý bình quân (vnd/m ³)	Tỉ lệ tái sử dụng nước thải (%)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước thải xử lý				
943.074	472.390	1.415.464	Tăng 39%	Chủ yếu sử dụng Hóa lý + vi sinh	12.400	Không

Lượng nước cấp, nước thải tăng mạnh so với năm 2020 là do sự phục hồi các đơn hàng sau một năm sụt giảm vì dịch bệnh. Năm 2020 tỷ lệ sụt giảm từ 8-12% so với năm 2019, năm 2021 không những phục hồi về mức 2019 mà còn có sự tăng trưởng từ 10-15%.

2.2.4 Tình hình quản lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Chất thải thông thường năm 2021 (tấn/năm)		So với năm 2020 (%)	Chất thải nguy hại năm 2021 (tấn/năm)		So với năm 2020 (%)
Số lượng (tấn/năm)	Chi phí XL (triệu đồng)		Số lượng (tấn/năm)	Chi phí XL (triệu đồng)	
126.560	1.997	Giảm 19%	10.707.686	15.008	Tăng 29,8%

2.2.5. Tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số vụ vi phạm pháp luật về Bảo vệ môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt năm 2021: 02 vụ tại Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối

1) Lần 1 theo Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 08/02/2021 của Tổng Cục Môi trường.

2) Lần 2 theo Quyết định số 1444/QĐ-XPVPHC ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Nội dung xử phạt: Công ty chưa chấp hành đúng pháp luật về công tác BVMT, xả nước thải có một số chỉ tiêu (độ màu, BOD5, COD) chưa đạt chuẩn, tổng tiền phạt trong năm 2021: 3.534.000.000vnd.

- Nguyên nhân: quá tải tại Nhà máy XLNT hiện hữu, nhà máy 10.000m³/ngđ này thường xuyên bị quá tải từ 20-30%, có thời điểm vượt tới 40% công suất thiết kế, trong khi dự


án xây dựng NMXLNT mới (8.000m³/ngđ) bị chậm tiến độ 2 năm do nhiều nguyên nhân khách quan gây ra rất nhiều khó khăn trong việc đảm bảo công tác BVMT.

- Biện pháp khắc phục (ngắn hạn, trước mắt): Đã bổ sung nhiều hạng mục xây dựng hạ tầng, máy móc thiết bị, hóa chất; Liên tục rà soát, kiểm tra toàn bộ quy trình; giám sát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra tại Nhà máy bằng phương pháp: thí nghiệm hàng ngày từ phòng thí nghiệm, trạm quan trắc tự động, quan trắc định kỳ; điều tiết giờ xả nước thải từ nhà máy vào hệ thống tránh tình trạng xả cùng lúc dẫn đến tình trạng quá tải cục bộ; Thuê mô-đun xử lý nước thải từ bên ngoài để giảm tải cho hệ thống.

- Giải pháp xử lý triệt để (kiến nghị): thúc đẩy các thủ tục để có thể xây dựng Nhà máy xử lý nước thải số 2 với công suất 8.000 m³/ngày đêm càng sớm càng tốt.


Thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững của Tập đoàn, các giải pháp về hiện đại hóa máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến cũng được triển khai thực hiện ở tất cả các đơn vị thành viên:

ĐỐI VỚI NGÀNH SỢI




Các dự án mới được định hướng đầu tư những máy móc thiết bị công nghệ hiện đại nhất, tiên tiến nhất trên thế giới tại thời điểm đầu tư, tập trung ở hầu hết các công đoạn: bông chải, ghép, cuộn cúi chải kỹ, thô, sợi con và đánh ống đặc biệt là những công đoạn có sử dụng nhiều lao động, những công đoạn có tính chất quyết định đối với chất lượng sản phẩm. Hệ thống quản trị cũng dần dần được số hóa để hướng tới việc quản lý dữ liệu theo thời gian thực, căn cứ các dữ liệu đó để đưa ra những quyết định kịp thời trong việc nâng cao năng suất, chất lượng. Sử dụng nguyên liệu tái chế, nguyên liệu organic,...

ĐỐI VỚI NGÀNH SẢN XUẤT VẢI



Tập trung vào đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại, máy móc thiết bị mới tiết kiệm nước, hóa chất, năng lượng cho ngành sản xuất vải dệt kim, vải có các tính năng đặc biệt (kháng khuẩn, chống cháy), khăn, sản phẩm gia dụng.

ĐỐI VỚI NGÀNH MAY



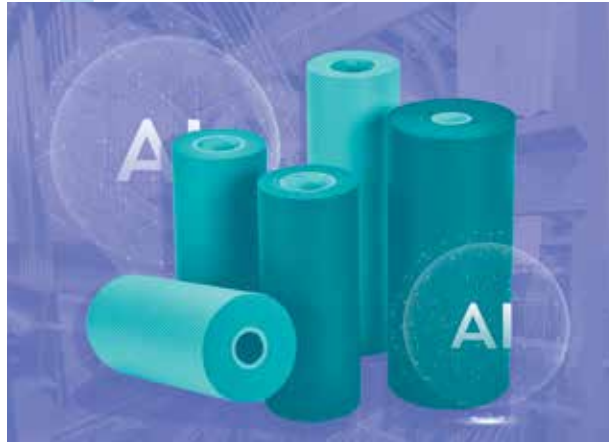
Với việc định vị ngành may của Tập đoàn theo mô hình công ty may liên kết không chi phối, chỉ chi phối đối với đơn vị có phần sản xuất nguyên liệu thì việc áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến (số hóa quản lý) thông qua người đại diện vốn sẽ được triển khai từng bước hướng tới một mô hình chiến lược trong toàn Tập đoàn. Từng bước hướng tới các nhà máy may đạt chứng chỉ LEED.

Tất cả các đơn vị thành viên, các nhà máy đều ý thức việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, từ việc đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để tiết kiệm năng lượng cho đến tối ưu hóa quy trình sản xuất và tận dụng được nguồn năng lượng từ mặt trời thông qua việc đầu tư hệ thống điện áp mái.

Đối với các nhà máy mới, ngay từ công đoạn xây dựng, đã tập trung theo xu hướng: 1) sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, 2) thiết kế nhà xưởng thông gió, thoáng khí, tận dụng ánh sáng tự nhiên, 3) chú trọng đến cảnh quan tổng thể, mật độ cây xanh đạt trên chuẩn, 4) quá trình vận hành tiết kiệm từ nguyên, nhiên, phụ liệu, điện, hơi, nước...

Quá trình hiện đại hóa của Tập đoàn được triển khai ở tất cả các khâu từ hệ thống quản trị, đầu tư máy móc thiết bị, tư duy của đội ngũ cán bộ nhân viên nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn lên một tầm cao mới với mức độ tự động hóa cao, kết nối công nghệ 4.0, tạo ra được nhiều sản phẩm tốt, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, sử dụng ít lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, mang lại sự tăng trưởng và phát triển bền vững cho Tập đoàn đồng thời góp phần vào công cuộc giảm phát thải các-bon, hướng tới mục tiêu chung của Việt Nam về phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net-zero 2050).

4. CHUYỂN ĐỔI SỐ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ-SẢN XUẤT



Hiện nay, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang quản lý 11 đơn vị sản xuất Sợi, đó là các chi nhánh của Tập đoàn và các đơn vị Tập đoàn đang chi phối, có năng lực là 58.2 vạn cọc sợi. Năng lực hiện tại toàn ngành sợi Việt Nam có khoảng 10 triệu cọc sợi, trong đó khối FDA chiếm 60%, khối tư nhân chiếm 30% và khối các công ty cổ phần có vốn nhà nước chiếm 10%.

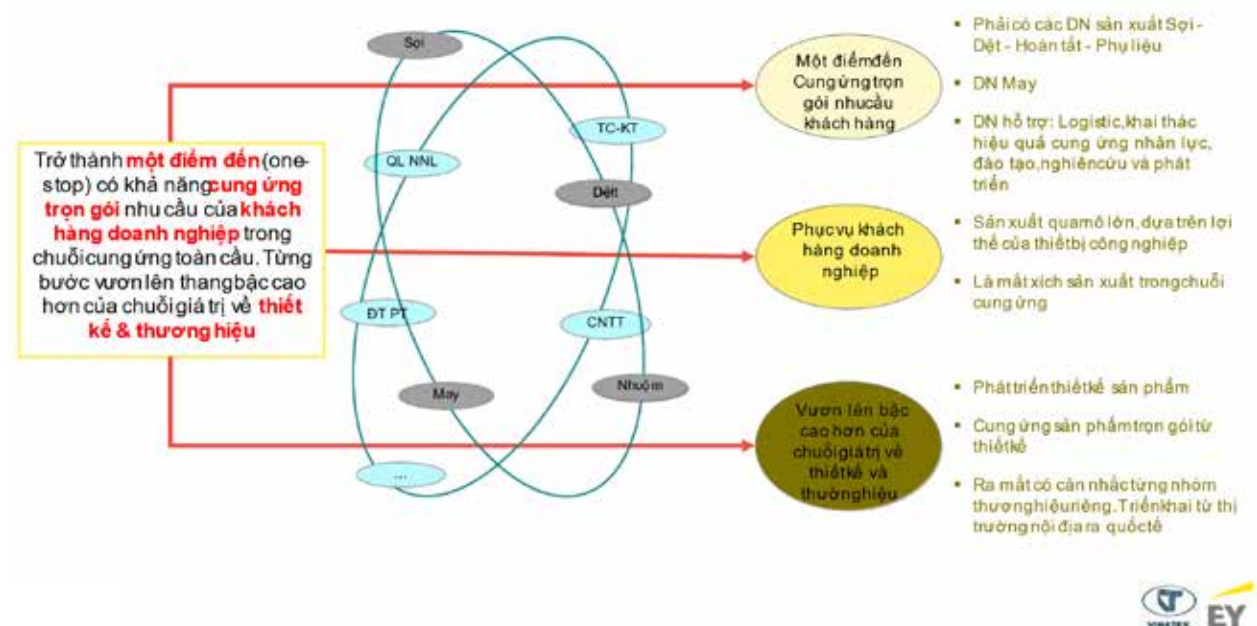
Qua các giai đoạn 2011-2020, năng lực ngành sợi của Vinatex tăng 90% (từ 491.852 cọc lên 936.524 cọc sợi)

Các doanh nghiệp đã theo đúng chủ trương của Tập đoàn, từng bước thay thế máy móc thiết bị có trình độ công nghệ thấp, sử dụng nhiều lao động sang việc lựa

chọn những đời máy móc thiết bị có trình độ công nghệ cao hơn, tự động hóa từng phần, giảm lao động, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm. Thông qua việc đầu tư các thiết bị có trình độ công nghệ cao, mức độ tự động hóa cao, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực và trình độ quản lý, các doanh nghiệp sản xuất sợi của Vinatex đã ngày càng lớn mạnh cả về lượng và chất. Thị trường của các doanh nghiệp đã ngày càng đa dạng, chất lượng Sợi đã ngày càng khẳng định thương hiệu Sợi của Vinatex trên thị trường trong nước và thế giới.

Ngành Sợi có thể nói là ngành mang lại doanh thu và lợi nhuận cao nhất cho Tập đoàn.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA VINATEX TRONG NHỮNG NĂM TỚI



4 TRỤ CỘT PHÁT TRIỂN

Cùng với sự gia tăng năng lực của hệ thống sản xuất các ngành Sợi-Dệt-Nhuộm-May, các công ty lại phân tán về mặt địa lý khắp các miền Bắc, Trung, Nam. Điều này khiến Vinatex phải đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động quản trị hệ thống.

Cần phải xác định điểm cân bằng cho 4 trụ cột: **Tài chính - Sản xuất - Nhân lực - Thị trường** cho hoạt động sản xuất Sợi của các công ty.

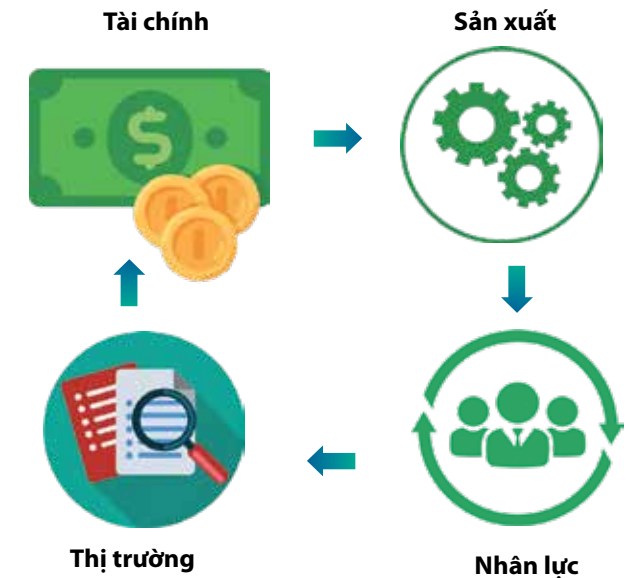
- **Tài chính** phải lành mạnh, đủ sức khỏe để đảm bảo công ty hoạt động ổn định. Thực tế hiện nay một số công ty đang khó khăn về nguồn vốn, mất cân đối nguồn vốn.

- **Sản xuất** phải quản trị thật tốt, tiết giảm chi phí tối đa, phát huy tối đa năng lực sản xuất. Thực tế một số công ty quản trị sản xuất chưa tốt, chi phí cao, chưa phát huy tối đa năng lực

- **Nguồn nhân lực** phải có đủ trình độ quản lý, được đào tạo chuyên sâu, đảm đương được công việc trong mọi tình huống. Thực tế hiện nay đội ngũ quản lý nhân sự của hệ thống Tập đoàn đang mỏng, chưa được đào tạo chuyên

sâu, chưa đủ khả năng đảm nhận khối lượng công việc lớn và làm việc từ xa.

- **Thị trường** các công ty trong hệ thống cần phải được định hướng chiến lược tạo thành một chuỗi cung ứng toàn diện: Sợi - Dệt nhuộm - May đến khách hàng.



CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ ĐỘT PHÁ

Đứng trước các thách thức, Lãnh đạo Tập đoàn nhận thấy trước mắt cần phải xây dựng được một hệ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT SỢI, khi hệ điều hành sản xuất này phát triển tốt sẽ tập trung triển khai HỆ ĐIỀU HÀNH ĐỒNG BỘ khác để quản trị tập trung.

Với sự quyết tâm triển khai của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số Tập đoàn và Ban Quản lý Dự án chuyển đổi số, tháng 6 năm 2021 đã xây dựng và áp dụng thành công Phần mềm: Quản trị sản xuất Sợi tại TCTCP Dệt May Hà Nội, Hanosimex.

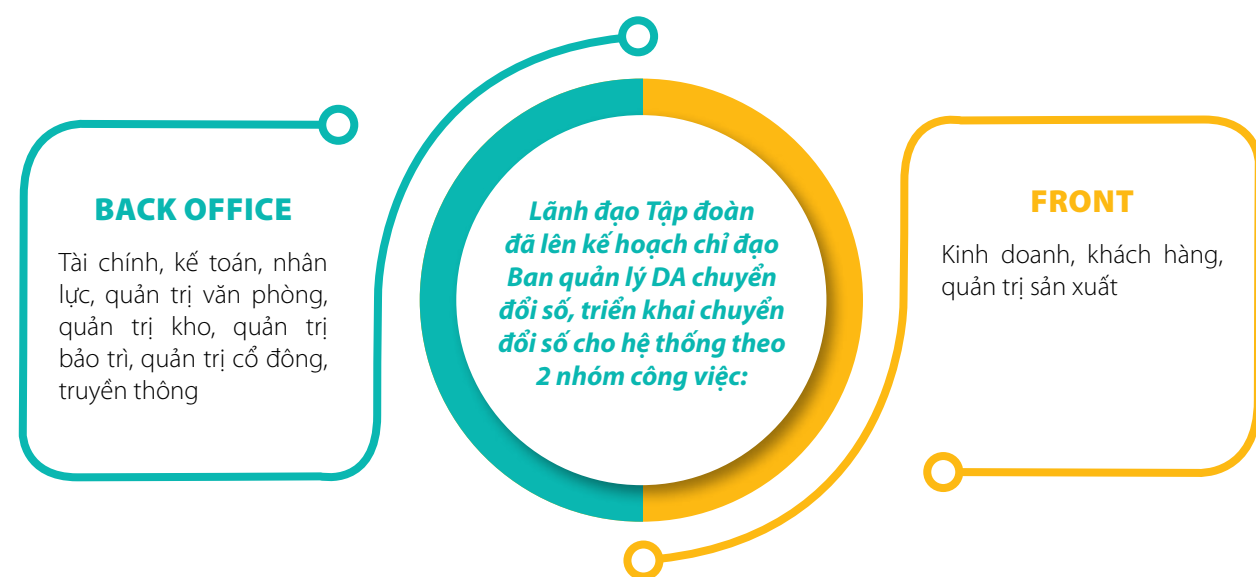
Mục tiêu HỆ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT SỢI phải đảm bảo được các yếu tố:

- Giảm thiểu các khâu ghi chép
- Đưa các vấn đề phức tạp lên cho máy tính xử lý
- Quản trị theo thời gian thực các nội dung cần quản lý:
 - + Thực hiện kế hoạch sản xuất
 - + Quản lý sản lượng hệ thống
 - + Quản trị chất lượng hệ thống
 - + Truy xuất nguồn gốc sản phẩm
 - + Quản lý hoạt động xuất nhập tồn kho nguyên liệu và kho thành phẩm
 - + Quản trị các chi phí sản xuất

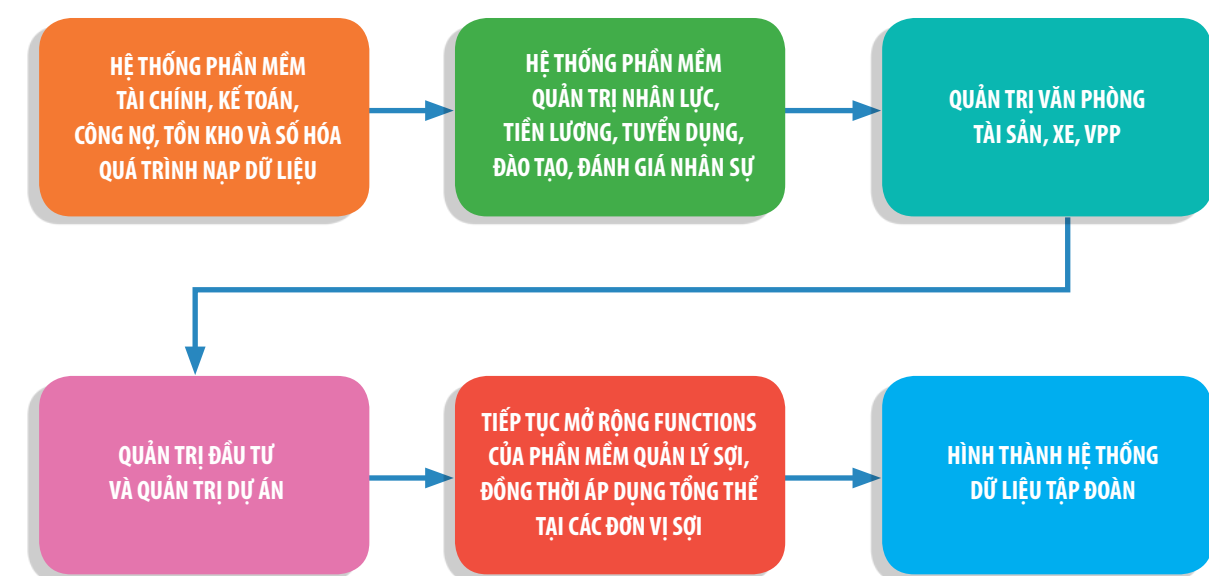
Hiện nay Ban chỉ đạo Chuyển đổi số, Ban quản lý Dự án Chuyển đổi số đã triển khai Phần mềm QUẢN TRỊ SẢN XUẤT SỢI đến công ty CP Dệt May Nam Định (Nhà máy Sợi Hòa Xá, nhà máy Sợi Tô Hiệu), thực tế đang vận hành ổn định

Bắt đầu tháng 11/2021, tiếp tục ứng dụng phần mềm QUẢN TRỊ SẢN XUẤT SỢI tại Phú Hưng và dự kiến phát triển tiếp các Modul tiếp theo tại Phú Hưng và sẽ triển khai hoàn thiện, cải tiến các hạn chế của giai đoạn 1.

Trong kế hoạch năm 2022, dựa trên những thành công bước đầu của Phần mềm QUẢN TRỊ SẢN XUẤT SỢI, Ban quản lý dự án Chuyển đổi số sẽ tiếp tục triển khai phần mềm quản trị Sợi thêm các modul Phát triển phần kinh doanh, quản lý đơn hàng, hợp đồng, báo cáo quản trị hệ thống, hoàn thiện hệ thống phần mềm: QUẢN TRỊ SỢI tại Phú Hưng và mở rộng ra các đơn vị khác trong hệ thống Tập đoàn.



MỤC TIÊU ƯU TIÊN NĂM 2022



Thống nhất 1 hệ thống quản trị xây dựng mới và môi trường hoạt động chung của các đơn vị chi phối, đơn vị 100% và chi nhánh

Mỗi năm phải có ít nhất 1 sản phẩm số được ứng dụng. Nguyên tắc cải tiến liên tục

Hệ thống cần phải thống nhất và cùng nhận thấy:

Giải pháp chuyển đổi số phải gắn chặt vào chiến lược sản xuất kinh doanh của tập đoàn và định hướng phát triển bền vững cho các doanh nghiệp của Tập đoàn

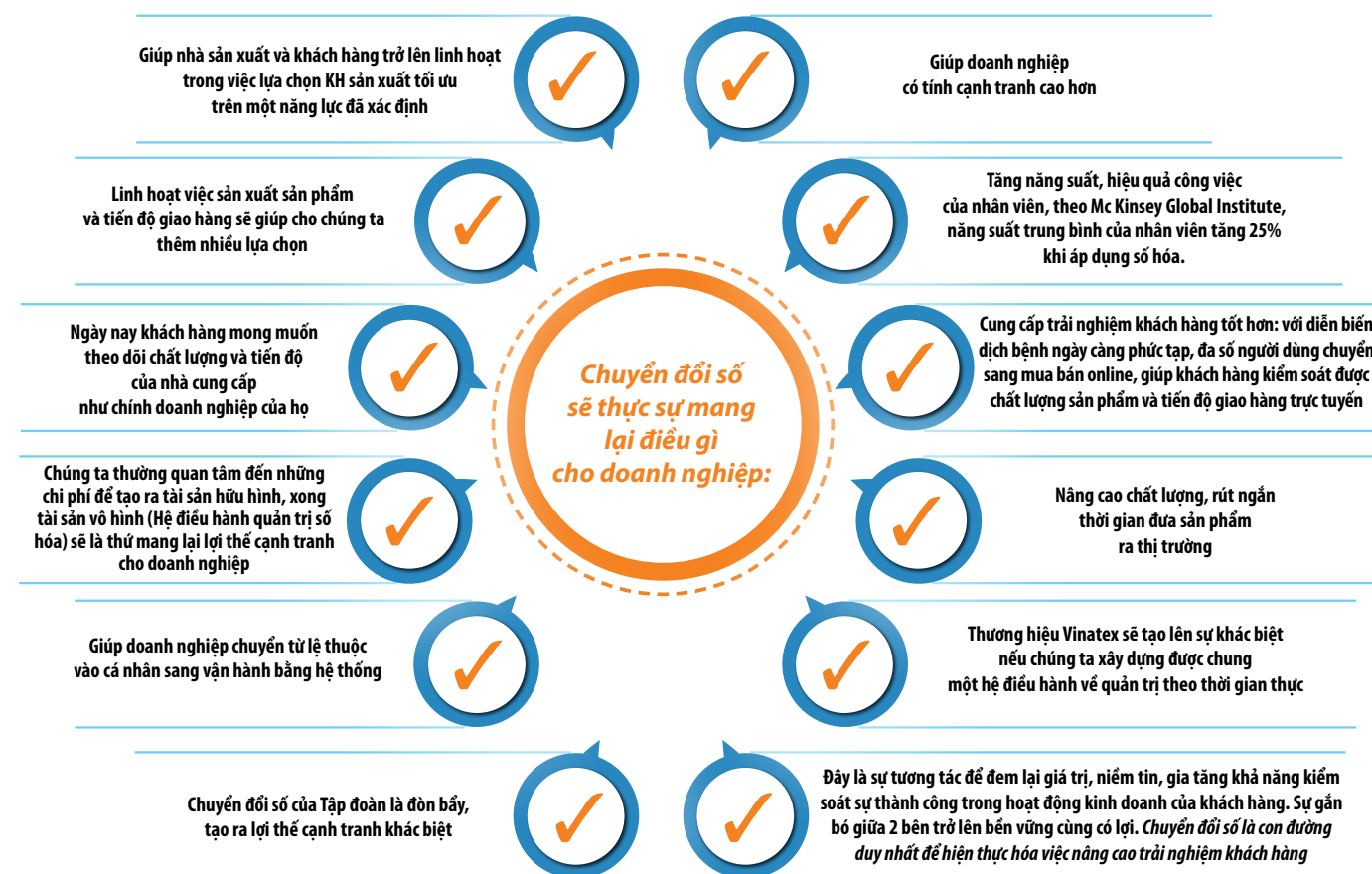
Chuyển đổi số không phải là cuộc cách mạng công nghệ mà thực chất **là cuộc cách mạng về quản trị.**

Xuất phát từ mục tiêu quản trị: Lãnh đạo cần “Cam kết thay đổi” và đưa ra sự “cấp bách đổi mới” cần phải có liên

tục từ cấp cao nhất trong doanh nghiệp, thay đổi tư duy, thay đổi để tốt cho hệ thống.

Chuyển đổi số là hoạt động đầu tư tốn kém về tài lực và trí lực, nó chỉ hiệu quả khi có lợi thế về qui mô hoạt động, các hoạt động đầu tư nâng cao năng lực hệ thống các ngành sản xuất cốt lõi của Tập đoàn đều phải gắn với các hoạt động chuyển đổi số để có 1 khung Quản trị đồng nhất, hệ điều hành đồng nhất để quản trị khi quy mô tăng lên nhiều lần và vị trí địa lý các công ty trong hệ thống có thể ở xa nhau.

Chúng ta phải chuyển những thứ cần phải theo dõi, tính toán phức tạp từ người sang máy cho máy thực hiện đây là vấn đề sống còn của doanh nghiệp trong bối cảnh bất định và thay đổi liên tục.



Mục tiêu hướng tới là “Cung cấp nền tảng quản trị và vận hành trong hoạt động SẢN XUẤT KINH DOANH SỢI- DỆT -MAY cho Vinatex và các đơn vị thành viên để quản trị được: Chuỗi cung ứng - Năng lực sản xuất - Hệ thống khách hàng, hiệu quả sản xuất-kinh doanh, Quản trị hoạt động theo thời gian thực... Tranh thủ kết hợp các tài nguyên bên ngoài Tập đoàn để nâng cao cơ hội sản xuất kinh doanh cho Viatex.

5. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Thực hiện chương trình 30a của Chính phủ về việc giúp đỡ huyện nghèo Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã chúc Tết và trao tặng 200 phần quà, mỗi suất 500.000 đồng cho người dân có hoàn cảnh khó khăn.

Tổ chức chương trình "Tết sum vầy - Ngày hội công nhân - Phiên chợ nghĩa tình Xuân Tân Sửu 2021" tại 6 địa điểm, trải dài 3 miền Bắc - Trung - Nam với 190 gian hàng, mang đến phúc lợi cho hơn 50.000 lượt NLD với số tiền ưu đãi khoảng 11,7 tỷ đồng. Đây là một hoạt động thường niên,

mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm, chăm lo đời sống NLD Dệt May của các cấp lãnh đạo Tập đoàn - Công đoàn ngành.

Tặng quà cho 1.695 NLD có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo, khuyết tật; Hỗ trợ 12 chuyến xe đưa NLD về quê đón tết, sum họp gia đình. Tổng số tiền trợ cấp cho NLD gần 1,5 tỷ đồng. Gửi tặng các phần quà hỗ trợ những NLD có hoàn cảnh khó khăn tại một số doanh nghiệp.

Chăm lo đời sống CBNV, như thưởng thêm tháng lương thứ 13, thưởng Tết mức từ 1,5 đến 2 tháng lương. Ngoài

ra, một số đơn vị còn hỗ trợ tiền tàu xe cho công nhân về quê nghỉ tết, tổ chức đón xuân, tặng quà và hỗ trợ thêm cho công nhân ở các tỉnh xa không có điều kiện về quê đón tết cùng gia đình.

Để mang lại phúc lợi tốt hơn và kịp thời hỗ trợ đoàn viên công đoàn khắc phục khó khăn, rủi ro trong cuộc sống và thu nhập giảm sút do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Công đoàn Dệt May Việt Nam đã phối hợp vận động toàn thể CBNV, đoàn viên Công đoàn đóng góp Quỹ "Xã hội từ thiện" với số tiền ủng hộ trên 2 tỷ đồng.

Trong đợt dịch Covid-19 lần thứ 4, Tập đoàn đã chỉ đạo các doanh nghiệp quan tâm chăm lo đời sống người lao động ở khu vực có dịch, không được đi làm. Đối với NLD phải ở lại nhà máy theo hình thức "3 tại chỗ" các doanh nghiệp đã chuẩn bị đầy đủ chỗ ăn, ngủ, có chỗ tắm, giặt, Wifi để trao đổi thông tin, có tủ đựng đồ dùng cá nhân, sổ nhật ký theo dõi sức khỏe, hoạt động hằng ngày... Người lao động được đơn vị chăm lo 3 bữa ăn/ngày, nước uống, hoa quả, thực hiện nghiêm quy định "5 K".

Hỗ trợ gói "an sinh công đoàn" cho 38.514 NLD tại 38 doanh nghiệp với tổng số tiền hơn 7,7 tỷ đồng. Các cấp công đoàn trong hệ thống đã hỗ trợ gần 4 tấn thực phẩm chế biến sẵn (mắm tép chung thịt, ruốc, lạc chiên muối) và hơn 15 tấn rau xanh, củ quả các loại gửi tặng các đơn vị khu vực miền Nam nhằm chăm lo, cải thiện chất lượng bữa ăn cho NLD với tổng số tiền 917,2 triệu đồng, trong đó 460 triệu đồng từ nguồn kinh phí Công đoàn Dệt May Việt Nam và gần 457,2 triệu đồng từ nguồn đóng góp của các công đoàn cơ sở khu vực miền Bắc và miền Trung.

Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 của Chính phủ, các doanh nghiệp phía nam tuy không được mở cửa nhưng vẫn duy trì trả lương cho người lao động giúp họ ổn định đời sống và tư tưởng.

Đoàn thanh niên Vinatex đã phối hợp với tổ chức công đoàn tặng quà cho công nhân và gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ tiền tàu, xe và tổ chức các chuyến xe khứ hồi đưa đón thanh niên công nhân, học sinh, sinh viên về quê ăn tết (đây là hoạt động thường niên của các đơn vị thuộc Đoàn Tập đoàn). Tổ chức 09 tổ thanh niên tình nguyện tại chỗ và tham gia hỗ trợ các địa bàn trong đợt dịch Covid-19. Ủng hộ Tỉnh đoàn Bắc Giang 50.000 khẩu trang y tế 3 lớp kháng khuẩn bằng vải không dệt, thăm hỏi và tặng quà cho 10 Mẹ Việt Nam Anh hùng với số tiền 8.000.000đ nhân dịp 30/4 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tặng 420 suất quà mỗi suất trị giá 500.000đ cho công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng số tiền khoảng 210 triệu đồng. Mua nhu yếu phẩm hỗ trợ sinh viên bị cách ly do Covid-19 với số tiền 45 triệu đồng.



VI.

**BÁO CÁO
KIỂM TOÁN HỢP NHẤT**

AUDIT



THÔNG TIN VỀ TẬP ĐOÀN

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch
	Ông Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch
	Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
	Ông Vũ Hồng Tuấn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Ủy viên (từ ngày 29/6/2021)
	Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên (đến ngày 29/6/2021)

Cơ quan Tổng Giám đốc	Ông Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc (từ ngày 4/10/2021)
	Ông Đặng Vũ Hùng	Tổng Giám đốc (đến ngày 4/10/2021)
	Ông Nguyễn Song Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10/1/2022)
	Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2021)
	Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Hữu Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4/10/2021)
	Ông Nguyễn Đức Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Xuân Trình	Giám đốc điều hành (từ ngày 29/3/2021)

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Thu Hằng	Trưởng ban
	Bà Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên
	Bà Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên
	Bà Nguyễn Lê Trà My	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên (đến ngày 29/6/2021)

Trụ sở đăng ký 25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 79 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 82 đến trang 152.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00241-22-2



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VNĐ	1/1/2021 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.546.050.792.976	7.301.936.228.739
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	636.969.466.530	469.771.140.126
Tiền	111		343.805.758.553	295.552.267.018
Các khoản tương đương tiền	112		293.163.707.977	174.218.873.108
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.251.456.495.286	1.519.924.436.987
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	2.251.456.495.286	1.519.924.436.987
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.087.281.744.705	2.659.588.551.038
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.349.967.011.611	1.717.590.972.331
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		203.035.130.731	179.836.265.974
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	163.569.315.478	180.514.224.180
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	703.640.193.067	897.730.924.354
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(334.246.939.481)	(317.773.121.729)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.317.033.299	1.689.285.928
Hàng tồn kho	140	11	3.352.745.710.191	2.444.162.902.391
Hàng tồn kho	141		3.432.818.622.262	2.508.124.773.121
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.072.912.071)	(63.961.870.730)
Tài sản ngắn hạn khác	150		217.597.376.264	208.489.198.197
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	27.586.139.190	25.566.120.760
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		184.312.035.475	179.056.603.128
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	5.699.201.599	3.866.474.309

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VNĐ	1/1/2021 VNĐ
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.799.772.665.586	10.717.740.213.003
Các khoản phải thu dài hạn	210		161.986.263.795	177.693.218.813
Trả trước cho người bán dài hạn	212		2.911.154.220	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	53.220.913.698	73.252.550.383
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	211.964.120.673	207.350.593.226
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(106.109.924.796)	(102.909.924.796)
Tài sản cố định	220		6.781.810.786.826	6.342.391.068.019
Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.507.755.003.702	6.116.605.323.922
<i>Nguyên giá</i>	222		14.003.583.074.182	12.929.157.965.738
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.495.828.070.480)	(6.812.552.641.816)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	178.215.522.643	110.601.877.481
<i>Nguyên giá</i>	225		241.826.470.123	163.990.886.048
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(63.610.947.480)	(53.389.008.567)
Tài sản cố định vô hình	227	14	95.840.260.481	115.183.866.616
<i>Nguyên giá</i>	228		150.874.427.908	172.623.057.619
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(55.034.167.427)	(57.439.191.003)
Bất động sản đầu tư	230	15	395.179.771.448	425.793.709.995
<i>Nguyên giá</i>	231		494.189.326.275	516.342.244.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(99.009.554.827)	(90.548.534.664)
Tài sản dở dang dài hạn	240		425.047.034.561	891.647.317.734
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	215.340.985.983	226.719.742.686
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	209.706.048.578	664.927.575.048
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.709.428.073.098	2.487.165.893.856
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	2.529.982.280.303	2.327.818.556.728
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	216.863.877.154	216.863.877.154
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(41.818.084.359)	(61.716.540.026)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	4.400.000.000	4.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		326.320.735.858	393.049.004.586
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	323.699.050.894	388.569.533.904
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	2.040.326.031	3.698.111.749
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	781.358.933
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.345.823.458.562	18.019.676.441.742

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.112.822.546.154	9.951.059.544.130
Nợ ngắn hạn	310		6.988.512.151.454	5.674.168.895.580
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.862.814.887.766	1.360.143.971.837
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.631.702.984	100.572.078.470
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	91.218.004.496	59.310.012.282
Phải trả người lao động	314		881.194.686.337	508.560.004.107
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22(a)	102.749.093.836	95.225.574.665
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	16.582.456.090	27.441.285.822
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	179.522.712.595	130.034.697.203
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25(a)	3.518.766.290.086	3.200.971.544.909
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26	63.863.188.366	5.634.013.216
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	27	180.169.128.898	186.275.713.069
Nợ dài hạn	330		4.124.310.394.700	4.276.890.648.550
Phải trả người bán dài hạn	331		189.958.848.653	42.585.396.057
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		12.335.416.496	16.140.080.972
Chi phí phải trả dài hạn	333	22(b)	21.819.456.000	22.768.128.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	335.228.437.392	337.676.188.800
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	89.803.554.007	80.920.296.553
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b)	3.380.915.172.021	3.685.762.065.617
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	64.694.623.361	64.084.982.111
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	29.554.886.770	26.953.510.440

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	28	9.233.000.912.408	8.068.616.897.612
Vốn chủ sở hữu	410		9.208.744.768.466	8.042.319.126.650
Vốn cổ phần	411	29	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.483.535.973	42.307.195.973
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(747.830.122.185)	(751.951.666.799)
Quý đầu tư phát triển	418	30	627.549.624.948	586.085.418.175
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.420.086.729.206	716.755.393.839
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		616.939.651.755	389.099.585.030
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		803.147.077.451	327.655.808.809
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	31	543.092.845.095	543.092.845.095
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.290.000.223.077	1.875.668.008.015
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		24.256.143.942	26.297.770.962
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		24.256.143.942	26.297.770.962
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.345.823.458.562	18.019.676.441.742

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga

Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách

Kế toán trưởng

Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	16.032.921.423.913	13.938.731.520.239
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	30.056.364.168	29.749.458.992
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	16.002.865.059.745	13.908.982.061.247
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	13.855.500.587.787	12.629.309.245.248
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.147.364.471.958	1.279.672.815.999
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	320.782.268.617	253.996.131.390
Chi phí tài chính	22	36	272.437.860.008	421.953.178.575
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		238.035.592.428	332.065.048.311
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	576.365.832.491	579.219.980.944
Chi phí bán hàng	25	37	507.258.660.057	438.302.420.698
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	778.540.849.121	668.018.143.461
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.486.275.203.880	584.615.185.599
Thu nhập khác	31	39	85.339.935.918	100.415.689.802
Chi phí khác	32	40	115.124.552.557	91.635.832.288
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(29.784.616.639)	8.779.857.514
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.456.490.587.241	593.395.043.113
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	130.309.858.778	30.059.225.708
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	42	2.267.426.968	2.794.626.677
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		1.323.913.301.495	560.541.190.728

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		1.323.913.301.495	560.541.190.728
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		803.147.077.451	327.655.808.809
Cổ đông không kiểm soát	62		520.766.224.044	232.885.381.919
Lãi trên cổ phiếu		43		Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.569	618
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.415	557

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga

Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Ngọc Cách

Kế toán trưởng

Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.456.490.587.241	593.395.043.113
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		854.702.774.139	810.991.058.426
Các khoản dự phòng	03		76.716.954.906	52.969.337.315
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(20.730.391.568)	(3.544.455.925)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(737.878.999.768)	(747.414.125.149)
Chi phí lãi vay	06		238.035.592.428	332.065.048.311
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.867.336.517.378	1.038.461.906.091
Biến động các khoản phải thu	09		(580.318.525.216)	443.768.548.832
Biến động hàng tồn kho	10		(897.491.279.675)	842.384.643.421
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		968.078.760.713	89.297.528.856
Biến động chi phí trả trước	12		78.104.930.758	9.057.035.137
			1.435.710.403.958	2.422.969.662.337
Tiền lãi vay đã trả	14		(231.985.401.309)	(326.706.440.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(86.342.898.042)	(35.989.610.913)
Trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp	17		-	(357.614.866.635)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(61.066.124.582)	(45.707.957.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.056.315.980.025	1.656.950.786.533
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(829.622.601.052)	(828.226.349.909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		29.673.170.991	79.546.907.662
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu	23		(2.183.242.799.694)	(1.640.604.756.625)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24		1.488.744.256.646	1.830.251.433.095
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		47.846.700.000	885.764.362
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		629.498.412.198	619.968.767.056
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào công ty con			-	43.635.458.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(817.102.860.911)	105.457.223.872
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)** (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		16.250.000.000	37.397.156.000
Tiền thu từ đi vay	33		14.022.916.918.297	20.234.573.059.432
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.032.680.833.556)	(21.614.573.386.883)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(78.982.504.141)	(362.665.269.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(72.496.419.400)	(1.705.268.440.914)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		166.716.699.714	57.139.569.491
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		469.771.140.126	412.299.064.625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		481.626.690	332.506.010
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	636.969.466.530	469.771.140.126

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga

Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Ngọc Cách

Kế toán trưởng

Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên

phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

d) Cấu trúc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết (1/1/2021: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	7	Xem Phụ lục 3
	33	

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất	33	Xem Phụ lục 4
	66	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 28.028 nhân viên (1/1/2021: 29.235 nhân viên).

e) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát trở lại trên diện rộng của đại dịch Covid-19 bắt đầu từ cuối tháng 4 năm 2021 ở Việt Nam đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội trong thời gian dài và đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Đến nay, tỷ lệ bao phủ vắc-xin phòng Covid-19 tại Việt Nam đã đạt trên 90%, tuy nhiên, ảnh hưởng của dịch bệnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Tập đoàn Dệt may Việt Nam, phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phân bổ toàn bộ số lỗ còn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59") và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ Tập

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(q)(viii)).

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và

các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ Tài sản khác	4 – 10 năm

i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

J) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan

trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bắt động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Hạ tầng khu công nghiệp	4 – 45 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm

k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Chênh lệch tỷ giá

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(b), lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại

thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2021					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.499.159.267.005	109.342.844.709	394.362.948.031	-	16.002.865.059.745
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.217.739.437.722	27.931.483.526	38.308.085.102	(1.283.979.006.350)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	16.716.898.704.727	137.274.328.235	432.671.033.133	(1.283.979.006.350)	16.002.865.059.745
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	594.767.514.814	(22.509.261.506)	4.107.579.183	-	576.365.832.491
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.351.879.723.671	(5.946.525.909)	85.403.403.787	54.938.602.331	1.486.275.203.880
Thu nhập khác	81.344.861.056	206.324.819	8.124.618.883	(4.335.868.840)	85.339.935.918
Chi phí khác	(111.600.040.580)	(48.997.171)	(10.177.512.802)	6.701.997.996	(115.124.552.557)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(122.043.412.447)	(541.661.055)	(7.724.785.276)	-	(130.309.858.778)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(1.918.950.662)	-	-	(348.476.306)	(2.267.426.968)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	1.197.662.181.038	(6.330.859.316)	75.625.724.592	56.956.255.181	1.323.913.301.495

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2020										
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.432.451.972.020	122.054.760.041	354.475.329.186	-	13.908.982.061.247					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.562.937.120.759	25.418.104.143	29.418.892.503	(1.617.774.117.405)	-					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.995.389.092.779	147.472.864.184	383.894.221.689	(1.617.774.117.405)	13.908.982.061.247					
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	577.807.184.906	(21.763.039.830)	23.175.835.868	-	579.219.980.944					
Kết quả kinh doanh của bộ phận	466.823.427.661	2.991.490.449	40.064.129.877	74.736.137.612	584.615.185.599					
Thu nhập khác	98.055.878.301	1.215.491.913	1.144.319.588	-	100.415.689.802					
Chi phí khác	(88.308.546.612)	(27.185.464)	(515.684.101)	(2.784.416.111)	(91.635.832.288)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.075.298.596)	(779.504.220)	(6.204.422.892)	-	(30.059.225.708)					
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	3.797.081.042	-	-	(6.591.707.719)	(2.794.626.677)					
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	457.292.541.796	3.400.292.678	34.488.342.472	65.360.013.782	560.541.190.728					

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021										
Tài sản của bộ phận	21.694.949.306.115	125.418.651.884	1.480.246.129.340	(5.484.772.909.080)	17.815.841.178.259					
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.470.811.211.470	912.560.000	307.875.000	1.057.950.633.833	2.529.982.280.303					
Tổng tài sản của bộ phận	23.165.760.517.585	126.331.211.884	1.480.554.004.340	(4.426.822.275.247)	20.345.823.458.562					
Tổng nợ phải trả của bộ phận	12.280.669.144.007	356.621.116.574	597.273.501.593	(2.121.741.216.020)	11.112.822.546.154					
Năm 2021										
Chi tiêu vốn	878.429.389.944	1.605.909.091	7.244.057.179	(57.656.755.162)	829.622.601.052					
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	753.911.191.800	1.768.323.796	44.856.164.276	(1.573.931.357)	798.961.748.515					
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	15.483.260.168	-	-	-	15.483.260.168					
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.119.882.831	-	77.705.538	-	5.197.588.369					
Khấu hao bất động sản đầu tư	11.967.604.234	225.157.468	9.595.807.352	-	21.788.569.054					

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2021					
Tài sản của bộ phận	19.694.330.249.390	125.326.059.004	1.442.645.948.579	(5.570.444.371.959)	15.691.857.885.014
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.498.830.071.718	912.560.000	307.875.000	827.768.050.010	2.327.818.556.728
Tổng tài sản	21.193.160.321.108	126.238.619.004	1.442.953.823.579	(4.742.676.321.949)	18.019.676.441.742
Tổng nợ phải trả của bộ phận	11.268.063.658.700	348.086.924.139	602.159.082.236	(2.267.250.120.945)	9.951.059.544.130
Năm 2020					
Chi tiêu vốn	857.680.427.739	160.227.273	31.339.454.051	(60.953.759.154)	828.226.349.909
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	716.699.522.513	1.762.166.553	44.044.789.191	6.038.241.868	768.544.720.125
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	13.843.992.930	-	-	-	13.843.992.930
Khấu hao tài sản cố định vô hình	8.264.362.362	-	87.661.788	-	8.352.024.150
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.589.175.308	207.734.004	11.498.514.610	(242.240.506)	14.053.183.416

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2021	Nội địa	Xuất khẩu	Hợp nhất
	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.555.033.725.002	10.447.831.334.743	16.002.865.059.745
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.016.091.245.046	1.131.273.226.912	2.147.364.471.958
Thu nhập không phân bổ			897.148.101.108
Chi phí không phân bổ			(1.558.237.369.186)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			1.486.275.203.880
Thu nhập khác			85.339.935.918
Chi phí khác			(115.124.552.557)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(132.577.285.746)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			1.323.913.301.495

Năm 2020	Nội địa	Xuất khẩu	Hợp nhất
	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	4.755.381.973.420	9.153.600.087.827	13.908.982.061.247
Kết quả kinh doanh của bộ phận	557.445.059.544	722.227.756.455	1.279.672.815.999
Thu nhập không phân bổ			833.216.112.334
Chi phí không phân bổ			(1.528.273.742.734)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			584.615.185.599
Thu nhập khác			100.415.689.802
Chi phí khác			(91.635.832.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(32.853.852.385)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			560.541.190.728

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Nội địa	Xuất khẩu	Hợp nhất
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021			
Tài sản của bộ phận	1.362.649.568.339	859.016.788.742	2.221.666.357.081
Tài sản không phân bổ			18.124.157.101.481
Tổng tài sản			20.345.823.458.562
Nợ phải trả của bộ phận	1.042.227.583.982	1.117.037.690.919	2.159.265.274.901
Các khoản nợ không phân bổ			8.953.557.271.253
Tổng nợ phải trả			11.112.822.546.154

	Nội địa	Xuất khẩu	Hợp nhất
	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2021			
Tài sản của bộ phận	925.369.635.032	654.284.481.544	1.579.654.116.576
Tài sản không phân bổ			16.440.022.325.166
Tổng tài sản			18.019.676.441.742
Nợ phải trả của bộ phận	808.634.359.857	710.807.167.479	1.519.441.527.336
Các khoản nợ không phân bổ			8.431.618.016.794
Tổng nợ phải trả			9.951.059.544.130

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	9.476.663.005	11.144.725.051
Tiền gửi ngân hàng	334.216.861.048	284.407.541.967
Các khoản tương đương tiền	293.163.707.977	174.218.873.108
Tiền đang chuyển	112.234.500	-
	636.969.466.530	469.771.140.126

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 7.562 triệu VND (1/1/2021: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 129.169 triệu VND (1/1/2021: 198.925 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

6. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.223.856.495.286	2.245.652.161.033	1.504.924.436.987	1.517.812.856.204
▪ Trái phiếu	-	-	15.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu (ii)	17.600.000.000	(*)	-	-
▪ Trái phiếu (iii)	10.000.000.000	(*)	-	-
	2.251.456.495.286		1.519.924.436.987	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (iv)	4.200.000.000	(*)	4.200.000.000	(*)
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	200.000.000	(*)	-	-
	4.400.000.000		4.200.000.000	

(i) Các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,1% đến 6,35% (1/1/2021: từ 5% đến 8%). Các khoản tiền gửi dài hạn có kỳ hạn 24 tháng và hưởng lãi suất năm 4,7%.

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 1 tháng 1 năm 2021.

(ii) Khoản trái phiếu này hưởng lãi suất năm từ 7,8% đến 7,9%.

(iii) Khoản trái phiếu này hưởng lãi suất năm 8,7%.

(iv) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (1/1/2021: từ 6,8% đến 7,2%).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			1/1/2021		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
			VND			VND
Công ty liên kết			VND			VND
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	86.302.489.246 (*)	33,82%	33,82%	77.036.979.785 (*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	429.570.784.493 (*)	30,40%	30,40%	419.067.927.642 (*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	95.142.315.083 (*)	46,93%	46,93%	79.953.935.662 (*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo (***)	-	-	-	21,21%	21,21%	30.719.345.637 (*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	97.334.764.993 (*)	27,69%	27,69%	96.697.395.450 (*)
▪ Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,21%	35,21%	48.575.508.708 (*)	35,21%	35,21%	48.217.029.710 (*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	125.875.386.189 (*)	35,01%	35,01%	123.334.289.546 (*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.331.533.605 (*)	40,33%	40,33%	85.477.078.065 (*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	800.240.738.987 (*)	17,86%	17,86%	590.702.530.006 (*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoo - Thủ Đức	22,05%	22,05%	142.149.479.654 (*)	22,05%	22,05%	138.959.835.083 (*)
▪ Các khoản đầu tư công ty liên kết khác			619.459.279.345 (*)			637.652.210.142 (*)
			2.529.982.280.303			2.327.818.556.728

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý	Dự phòng
			VND	VND
Đơn vị khác				
Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác				
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,1%	2,1%	19.450.204.510	(16.324.154.142)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-
▪ Các khoản đầu tư khác			189.759.192.284	(25.493.930.217)
			216.863.877.154	(41.818.084.359)
			1.348.555.000	1.348.555.000
			2.812.445.700	-
			0,002%	0,002%
			2,5%	2,5%
			18,02%	18,02%
			189.759.192.284	(50.321.712.374)
			216.863.877.154	(61.716.540.026)
			1.348.555.000	-
			2.812.445.700	-
			0,002%	0,002%
			2,5%	2,5%
			18,02%	18,02%
			189.759.192.284	(50.321.712.374)
			216.863.877.154	(61.716.540.026)

(*)Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**)Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(***) Trong năm, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn đầu tư ở một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có tổng giá trị ghi sổ là 110.000 triệu VND (1/1/2021: 110.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.327.818.556.728	2.142.674.504.385
Phần lãi trong các công ty liên kết	576.365.832.491	579.219.980.944
Cổ tức nhận được	(345.131.050.918)	(394.075.928.601)
Thanh lý các công ty liên kết	(29.071.057.998)	-
Số dư cuối năm	2.529.982.280.303	2.327.818.556.728

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	307.675.927.922	146.235.644.557
Phải thu các khách hàng khác	2.042.291.083.689	1.571.355.327.774
	2.349.967.011.611	1.717.590.972.331

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số 147.485 triệu VND (1/1/2021: 98.854 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	175.611.285.800	32.615.019.194
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	-	445.131.648
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt may Nam Định	103.442.463.756	96.307.103.029
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.930.807.340	14.430.807.340
Công ty CP Dệt may Nha Trang	13.686.474.600	1.902.176.033
Các công ty liên quan khác	1.004.896.426	535.407.313
	307.675.927.922	146.235.644.557

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

8. Phải thu về cho vay

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	75.000.000.000	90.000.000.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	61.600.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	70.908.029.176	89.397.374.563
Các công ty khác	9.282.200.000	12.769.400.000
	216.790.229.176	253.766.774.563
Phần phải thu trong vòng 12 tháng	(163.569.315.478)	(180.514.224.180)
	53.220.913.698	73.252.550.383

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 10% (2020: 7% đến 10%).

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 11,5% (2020: 8,5% đến 11,5%).

9. Phải thu khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	275.249.348.329	448.767.153.074
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh	80.000.000.000	135.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	106.381.451.043	97.350.843.232
Ký cược, ký quỹ	79.174.023.338	78.555.700.215
Phải thu các khoản tạm ứng	11.590.238.046	8.445.870.639
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	21.795.665.747	12.888.419.217
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	24.165.879.830	14.134.181.201
Các khoản chi hộ	13.748.157.994	12.113.711.863
Phải thu người lao động	2.798.934.410	3.084.231.799
Phải thu bảo hiểm bồi thường	15.157.491.751	21.873.453.797
Phải thu về bàn giao tài sản	-	23.181.818.182
Phải thu về tạm ứng cho Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	43.873.760.779	5.204.242.815
Phải thu khác	13.383.241.800	20.809.298.320
	703.640.193.067	897.730.924.354

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	79.466.400.000	185.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	16.087.104.000	80.478.369.775
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	16.753.500.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	14.230.337.500	11.384.273.760
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	5.040.000.000	6.048.000.000
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	7.923.055.000	6.338.449.500
Tổng Công ty May 10 - CTCP	10.227.398.000	12.272.877.600
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	56.306.578.077	49.059.024.653
Các công ty liên quan khác	34.672.087.000	40.072.729.041
	248.590.459.577	407.407.224.329

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.909.924.796
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.800.337.133	33.147.280.211
Phải thu dài hạn khác	30.720.962.985	27.760.492.460
	211.964.120.673	207.350.593.226

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.646.747.873.908	8.667.943.680.572	333.731.172.661	98.153.992.981	182.581.245.616	12.929.157.965.738
Tăng trong năm	26.389.732.728	65.769.879.034	12.329.382.527	709.654.813	3.734.485.452	108.933.134.554
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	293.683.357.976	763.209.361.174	15.712.343.849	825.817.975	2.344.846.359	1.075.775.727.333
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	10.327.785.769	1.198.728.546	-	-	11.526.514.315
Chuyển từ bất động sản đầu tư	35.232.475.471	-	-	-	-	35.232.475.471
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(8.079.364.913)	-	-	-	-	(8.079.364.913)
Thanh lý	(7.434.515.813)	(132.287.845.344)	(8.163.851.121)	(752.650.066)	(324.515.972)	(148.963.378.316)
Phân loại lại	-	(439.042.727)	-	439.042.727	-	-
Số dư cuối năm	3.986.539.559.357	9.374.523.818.478	354.807.776.462	99.375.858.430	188.336.061.455	14.003.583.074.182

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.308.119.688.910	5.114.856.535.336	193.959.883.461	58.642.402.295	136.974.131.814	6.812.552.641.816
Khấu hao trong năm	181.505.010.849	554.138.275.548	39.234.400.596	8.679.945.037	15.404.116.485	798.961.748.515
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	4.771.840.410	489.480.845	-	-	5.261.321.255
Chuyển từ bất động sản đầu tư	15.153.586.191	-	-	-	-	15.153.586.191
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(157.915.573)	-	-	-	-	(157.915.573)
Thanh lý	(4.819.240.305)	(122.207.546.290)	(7.839.359.091)	(752.650.066)	(324.515.972)	(135.943.311.724)
Phân loại lại	-	(439.042.727)	-	439.042.727	-	-
Số dư cuối năm	1.499.801.130.072	5.551.120.062.277	225.844.405.811	67.008.739.993	152.053.732.327	7.495.828.070.480
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.338.628.184.998	3.553.087.145.236	139.771.289.200	39.511.590.686	45.607.113.802	6.116.605.323.922
Số dư cuối năm	2.486.738.429.285	3.823.403.756.201	128.963.370.651	32.367.118.437	36.282.329.128	6.507.755.003.702

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 2.041.238 triệu VND (1/1/2021: 1.878.734 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.492.884 triệu VND (1/1/2021: 4.907.023 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	162.469.490.828	1.521.395.220	163.990.886.048
Tăng trong năm	83.256.565.936	-	83.256.565.936
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.105.532.454	-	6.105.532.454
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.327.785.769)	(1.198.728.546)	(11.526.514.315)
Số dư cuối năm	241.503.803.449	322.666.674	241.826.470.123
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	52.842.553.449	546.455.118	53.389.008.567
Khấu hao trong năm	15.265.821.157	217.439.011	15.483.260.168
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.794.361.416)	(466.959.839)	(5.261.321.255)
Số dư cuối năm	63.314.013.190	296.934.290	63.610.947.480
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	109.626.937.379	974.940.102	110.601.877.481
Số dư cuối năm	178.189.790.259	25.732.384	178.215.522.643

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	142.755.275.479	28.766.120.540	1.101.661.600	172.623.057.619
Tăng trong năm	-	1.864.863.900	-	1.864.863.900
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.000.192.174)	-	-	(5.000.192.174)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	377.311.147	-	377.311.147
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.807.703.614)	-	-	(9.807.703.614)
Thanh lý	-	(1.371.700.243)	-	(1.371.700.243)
Giảm khác	(7.811.208.727)	-	-	(7.811.208.727)
Số dư cuối năm	120.136.170.964	29.636.595.344	1.101.661.600	150.874.427.908
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	32.949.051.144	23.788.731.846	701.408.013	57.439.191.003
Khấu hao trong năm	3.380.379.391	1.800.538.145	16.670.833	5.197.588.369
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.668.121.727)	-	-	(1.668.121.727)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.247.072.197)	-	-	(3.247.072.197)
Thanh lý	-	(1.371.700.243)	-	(1.371.700.243)
Giảm khác	(1.315.717.778)	-	-	(1.315.717.778)
Số dư cuối năm	30.098.518.833	24.217.569.748	718.078.846	55.034.167.427
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	109.806.224.335	4.977.388.694	400.253.587	115.183.866.616
Số dư cuối năm	90.037.652.131	5.419.025.596	383.582.754	95.840.260.481

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 7.987 triệu VND (1/1/2021: 7.025 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	211.082.890.880	305.259.353.779	516.342.244.659
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	5.000.192.174	5.000.192.174
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	8.079.364.913	8.079.364.913
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(35.232.475.471)	(35.232.475.471)
Số dư cuối năm	211.082.890.880	283.106.435.395	494.189.326.275
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.687.762.835	71.860.771.829	90.548.534.664
Khấu hao trong năm	5.890.912.948	15.897.656.106	21.788.569.054
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	1.668.121.727	1.668.121.727
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	157.915.573	157.915.573
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(15.153.586.191)	(15.153.586.191)
Số dư cuối năm	24.578.675.783	74.430.879.044	99.009.554.827
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	192.395.128.045	233.398.581.950	425.793.709.995
Số dư cuối năm	186.504.215.097	208.675.556.351	395.179.771.448

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã

Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy may Quảng Bình tại Khu công nghiệp Cam Liên, Xã Cam Thủy, Huyện Lê Thủy, Tỉnh Quảng Bình;

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 là hệ thống nhà xưởng tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

16. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Đây là các chi phí cho Dự án xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thăng Lợi của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Khoản này được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn do Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá có sự chậm trễ gián đoạn dẫn đến việc dự án sẽ kéo dài.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	664.927.575.048	304.911.956.611
Tăng trong năm	666.196.745.699	733.831.766.530
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.075.775.727.333)	(343.498.115.709)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	(30.922.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(6.105.532.454)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(19.548.488.013)	(21.885.010.334)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(66.500.000)	(237.017.955)
Thanh lý	(2.702.990.000)	-
Xóa sổ	-	(8.165.082.095)
Biến động khác	(1.017.910.459)	-
Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(15.823.812.763)	-
Số dư cuối năm	209.706.048.578	664.927.575.048

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	18.841.452.363
• Dự án Khu liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.236.283.563	5.089.929.018
• Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	73.439.008.888	34.952.147.919
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
• Nhà máy Sợi 2	-	179.359.738.803
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	19.094.349.379	18.602.502.079
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	39.324.295.072	35.709.123.507
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	-	100.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
• Dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi	-	199.776.093.433

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
• Đầu tư xây dựng Tổ hợp Trung tâm May Đo Thời trang - Showroom - Văn phòng cho thuê	1.333.000	2.363.605.351
• Máy móc thiết bị sợi	12.685.845.477	575.750.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Dự án May Nghi Lộc	-	6.869.728.369
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	-	18.857.851.051
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	12.944.252.512	13.079.345.579
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
• Máy móc thiết bị	-	32.696.386.922
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Máy móc thiết bị chờ lắp đặt	4.786.980.938	-
• Dự án đầu tư nhà máy sợi cọc	427.393.953	-
• Dự án chợ mới thành phố Vũng Tàu	1.835.173.954	1.407.780.001
▪ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối		
• Hệ thống xử lý nước thải	-	15.823.812.763
▪ Công ty Cổ phần May Halotexco		
• Xây dựng nhà máy may tại xã Phúc Thọ	-	30.753.789.316
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Dự án đầu tư thay thế thiết bị nhà máy Sợi	3.332.001.731	-
▪ Các công trình khác	17.757.677.748	50.068.538.574
	209.706.048.578	664.927.575.048

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 429.184 triệu VND (1/1/2021: 420.301 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

18. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước phí bảo hiểm	4.658.728.201	4.698.710.194
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.217.219.685	2.633.334.156
Công cụ dụng cụ	12.699.394.153	9.834.638.054
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.010.797.151	8.399.438.356
	27.586.139.190	25.566.120.760

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước	Công cụ và dụng cụ	Phụ tùng thay thế	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	Chênh lệch tỷ giá (*)	Chi phí trả trước dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	203.066.548.504	24.780.524.495	79.942.514.719	1.713.146	33.640.119.745	3.029.212.876	44.108.900.419	388.569.533.904
Tăng trong năm	4.392.081.801	3.575.464.374	16.162.401.962	930.069.143	6.068.475.637	-	22.688.040.819	53.816.533.736
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	19.548.488.013	-	-	-	-	19.548.488.013
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	6.560.631.417	-	-	-	-	-	-	6.560.631.417
Giảm do thanh lý	-	-	(50.497.692)	-	-	-	-	(50.497.692)
Phần bổ trong năm	(15.313.235.053)	(6.388.488.869)	(65.388.216.239)	(361.718.744)	(17.372.045.917)	(3.029.212.876)	(36.892.720.786)	(144.745.638.484)
Số dư cuối năm	198.706.026.669	21.967.500.000	50.214.690.763	570.063.545	22.336.549.465	-	29.904.220.452	323.699.050.894

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá được trình bày ở Thuyết minh 3(b).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	1.903.795.180	2.223.989.169
Các khoản mục khác	20%	136.530.851	1.474.122.580
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.040.326.031	3.698.111.749
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	64.694.623.361	64.084.982.111

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	296.304.472.071	201.999.272.650
Phải trả người bán khác	1.566.510.415.695	1.158.144.699.187
	1.862.814.887.766	1.360.143.971.837

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	77.558.007.653	64.524.416.090
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	106.060.336.229	54.531.890.534
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	58.598.399.622	52.087.087.704
Công ty Cổ phần Hòa Thọ – Quảng Nam	8.334.074.082	12.453.389.509
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	14.614.637.312	16.273.412.441
Tổng Công ty May 10 – CTCP	4.149.923.627	391.697.226
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	281.354.761
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	24.978.520.064	-
Các công ty liên quan khác	2.010.573.482	1.456.024.385
	296.304.472.071	201.999.272.650

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2021		31/12/2021	
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.019.833.158	9.273.330.725	(9.034.335.334)	2.258.828.549
Thuế xuất nhập khẩu	414.815.587	379.465.720	(360.881.972)	433.399.335
Các loại thuế khác	1.267.766.204	21.715.855.769	(20.063.382.477)	2.920.239.496
Các khoản khác	164.059.360	1.063.623.880	(1.140.949.021)	86.734.219
	3.866.474.309	32.432.276.094	(30.599.548.804)	5.699.201.599

b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2021		31/12/2021	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	609.646.133.431	-	(220.985.484.648)	(386.424.190.016)
Thuế giá trị gia tăng	22.799.430.630	609.646.133.431	-	25.035.889.397
Thuế xuất nhập khẩu	153.955.742	-	(9.656.574.646)	197.437.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.529.054.169	-	(86.103.902.651)	46.735.010.296
Thuế thu nhập cá nhân	5.045.991.866	-	(22.678.005.983)	5.029.517.211
Thuế tài nguyên	217.210.575	-	(3.169.171.821)	238.893.302
Tiền thuế, thuế đất	28.354.950.282	-	(53.338.204.831)	13.976.943.509
Các loại thuế khác	209.419.018	-	(4.223.526.995)	4.313.257
	59.310.012.282	609.646.133.431	(400.111.389.793)	91.218.004.496

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

22. Chi phí phải trả

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	65.108.738.412	55.933.874.722
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	-	5.635.096.390
Chi phí gia công thuê ngoài	228.200.824	2.726.665.642
Phí hoa hồng	8.744.031.639	7.102.744.788
Chi phí cải tạo, sửa chữa	9.803.636	1.435.910.167
Chi phí hoạt động	2.995.024.256	9.700.485.978
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	955.529.870	2.495.011.761
Chi phí phải trả khác	24.707.765.199	10.195.785.217
	102.749.093.836	95.225.574.665

b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	22.768.128.000	23.716.800.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	21.819.456.000	22.768.128.000

(*)Phần ảnh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

23. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	351.810.893.482	365.117.474.622
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(16.582.456.090)	(27.441.285.822)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	335.228.437.392	337.676.188.800

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

24. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cổ tức	46.913.917.386	5.541.457.920
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	49.407.412.744	41.004.920.741
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	10.280.172.196	12.417.470.886
Phải trả lãi vay khác	3.540.434.418	4.527.808.299
Quý tử thiện	3.978.020.068	3.942.941.831
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 5)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về sửa chữa tài sản cố định	-	9.479.266.140
Tiền thưởng kết quả công việc phải trả	15.783.442.885	6.971.271.668
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	4.381.240.864	3.343.527.156
Các khoản phải trả khác	37.675.981.022	35.243.941.550
	179.522.712.595	130.034.697.203

b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	42.516.679.931
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	24.726.000.000	24.726.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	3.712.500.000	6.212.500.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	11.627.627.007	2.765.116.622
	89.803.554.007	80.920.296.553

(*)Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

25. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.589.540.507.674	10.917.055.827.926	(10.501.885.608.364)	(6.616.004.917)	2.998.094.722.319
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	611.431.037.235	465.374.200.218	(554.197.635.205)	(1.936.034.481)	520.671.567.767
	3.200.971.544.909	11.382.430.028.144	(11.056.083.243.569)	(8.552.039.398)	3.518.766.290.086

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, trong khoản vay ngắn hạn có 2.265.047 triệu VND (1/1/2021: 1.303.409 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tổng cộng là 2.620.479 triệu VND (1/1/2021: 2.018.211 triệu VND) (các Thuyết minh 5, 6, 7, 11, 12, 17 và 18). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,3% đến 10% (2020: từ 2% đến 10%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và chịu lãi suất năm từ 2,3% đến 10% (2020: từ 1,8% đến 10%).

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn (i)	3.802.012.941.760	4.233.506.863.055
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	99.573.798.028	63.686.239.797
	3.901.586.739.788	4.297.193.102.852
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	(520.671.567.767)	(611.431.037.235)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.380.915.172.021	3.685.762.065.617

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản vay dài hạn bao gồm:

- 2.118.999 triệu VND (1/1/2021: 2.259.616 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.666.006 triệu VND (1/1/2021: 4.421.688 triệu VND) (các Thuyết minh 5, 6, 7, 11, 12, 17 và 18). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 10% (2020: từ 2% đến 10%).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.546.193 triệu VND (1/1/2021: 1.596.820 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 107.238 triệu VND (1/1/2021: 125.357 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2021: 110.000 triệu VND).
- Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 10% (2020: từ 2,5% đến 10%).

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2021		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	34.472.714.670	2.966.281.931	31.506.432.739
Trong vòng hai đến năm năm	56.318.769.986	1.588.295.386	54.730.474.600
Sau năm năm	13.476.720.600	139.829.911	13.336.890.689
	104.268.205.256	4.694.407.228	99.573.798.028

	1/1/2021		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	21.448.303.507	2.593.525.470	18.854.778.037
Trong vòng hai đến năm năm	36.737.380.930	2.298.164.945	34.439.215.985
Sau năm năm	10.923.582.788	531.337.013	10.392.245.775
	69.109.267.225	5.423.027.428	63.686.239.797

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

26. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Dự phòng chi phí di dời (*)	Dự phòng bồi thường tổn thất (**)	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	24.665.668.570	-	7.921.855.086	32.587.523.656
Dự phòng trích lập trong năm	-	62.473.188.366	4.635.740.930	67.108.929.296
Dự phòng sử dụng trong năm	-	-	(1.256.364.600)	(1.256.364.600)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	-	(5.022.013.216)	(5.022.013.216)
Số dư cuối năm	24.665.668.570	62.473.188.366	6.279.218.200	93.418.075.136
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	62.473.188.366	1.390.000.000	63.863.188.366
Dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	-	4.889.218.200	29.554.886.770

(*) Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Do vướng mắc về thủ tục hành chính về đất đai nên việc di dời chưa được giải quyết.

(**) Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc hủy bỏ chuyển nhượng dự án bao gồm các giao dịch của phần diện tích đất thuộc dự án đã được bán cho khách hàng và phần diện tích đất còn lại chưa bán và đang được ghi nhận trên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong thời gian chờ hướng dẫn của các Cơ quan ban ngành, dựa vào phán quyết của Tòa án, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 62,4 tỷ VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Đối với các chi phí đã phát sinh 76,2 tỷ VND liên quan đến phần diện tích đất còn lại của dự án hiện đang được ghi nhận trên hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Thuyết minh 11), Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá rằng Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sẽ thu hồi được khoản chi phí này từ bên đối tác khi các thủ tục pháp lý thu hồi Dự án Phước Long B và trả lại cho đối tác được hoàn tất.

Sau phán quyết của phiên tòa sơ thẩm, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị yêu cầu xác định lại thiệt hại đã được quyết định trong phán quyết tại phiên tòa sơ thẩm. Theo Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị thiệt hại là 672 tỷ VND, thay vì 348 tỷ VND như đã phán quyết. Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sẽ tiếp tục theo dõi diễn biến của các phiên tòa tiếp theo và sẽ xem xét lại các khoản dự phòng dựa theo những diễn biến đó. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, dựa trên những thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62,4 tỷ VND này là phù hợp.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	186.275.713.069	160.849.916.612
Trích lập trong năm	54.959.540.411	71.873.524.326
Sử dụng trong năm	(61.066.124.582)	(45.707.957.941)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào các công ty con	-	(739.769.928)
Số dư cuối năm	180.169.128.898	186.275.713.069

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	39.707.195.973	(751.951.666.799)	543.609.956.752	745.261.787.239	550.677.792.232	1.748.015.965.351	7.905.682.963.100	28.339.397.982	7.934.022.361.082
Vốn góp/vốn cổ phần năm	-	-	-	-	-	-	-	37.397.156.000	37.397.156.000	-	37.397.156.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	42.475.461.423	(42.475.461.423)	-	232.885.381.919	560.541.190.728	-	560.541.190.728
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(42.885.345.312)	-	(28.988.179.014)	(71.873.524.326)	-	(71.873.524.326)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(112.686.866.500)	(362.686.866.500)	(2.041.627.020)	(362.686.866.500)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(8.388.642.470)	(8.388.642.470)	-	(8.388.642.470)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát ở các công ty con này	-	-	-	-	-	(8.311.972.936)	-	8.311.972.936	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	-	2.600.000.000	-	-	(2.600.000.000)	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(9.889.422.538)	(7.584.947.137)	(878.780.207)	(18.353.149.882)	-	(18.353.149.882)
Số dư tại ngày 1/1/2021	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.307.195.973	(751.951.666.799)	586.085.418.175	716.755.393.839	543.092.845.095	1.875.066.008.015	8.042.319.126.650	26.297.770.962	8.068.616.897.612
Vốn góp/vốn cổ phần năm	-	-	1.176.340.000	-	-	(1.176.340.000)	-	16.250.000.000	16.250.000.000	-	16.250.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	803.147.077.451	-	520.766.224.044	1.323.913.301.495	-	1.323.913.301.495
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	43.464.206.773	(43.464.206.773)	-	(16.707.597.759)	(54.959.540.411)	-	(54.959.540.411)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(38.251.942.652)	-	(103.649.338.325)	(120.354.963.607)	(2.041.627.020)	(120.354.963.607)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(16.705.625.282)	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(4.121.544.614)	-	-	-	-	-
Thanh lý công ty liên kết	-	-	-	4.121.544.614	-	-	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(2.000.000.000)	5.903.917.237	-	(2.327.072.898)	1.576.844.339	-	1.576.844.339
Phân loại lại	-	-	2.000.000.000	-	-	(2.000.000.000)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	5.000.000.000.000	30.361.932.352	45.483.535.973	(747.830.122.185)	627.549.624.948	1.420.086.729.206	543.092.845.095	2.290.000.223.077	9.208.744.768.466	24.256.143.942	9.233.000.912.408

(*)Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ảnh theo góc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	31/12/2021			1/1/2021		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Tập đoàn Vingroup – CTCP	25.000.000	250.000.000.000	5,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	-	-	-	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	142.561.900	1.425.619.000.000	28,51%	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

31. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.016
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
	543.092.845.095	543.092.845.095

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	63.263.999.175	50.408.514.867
Trong vòng hai đến năm năm	144.137.175.967	127.795.265.687
Sau năm năm	168.498.709.974	207.418.936.366
	375.899.885.116	385.622.716.920

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.544.215	125.741.402.737	3.475.650	80.211.808.169
EUR	101.038	2.565.581.147	101.476	2.834.123.191
		128.306.983.884		83.045.931.360

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		13.182.259.559	12.673.783.224
			23.596.431.002	23.087.954.667

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	100.393.500.740	407.664.849.478
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	261.069.288.860	316.656.714.589
	361.462.789.600	724.321.564.067

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	15.380.761.448.401	13.458.993.218.326
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	539.906.972.116	234.686.849.300
▪ Bán và cho thuê bất động sản	112.253.003.396	245.051.452.613
	16.032.921.423.913	13.938.731.520.239
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(13.633.203.854)	(14.263.614.855)
▪ Giảm giá hàng bán	(2.127.605.623)	(1.554.664.770)
▪ Hàng bán bị trả lại	(14.295.554.691)	(13.931.179.367)
	(30.056.364.168)	(29.749.458.992)
Doanh thu thuần	16.002.865.059.745	13.908.982.061.247

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

34. Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	13.302.147.465.574	12.299.942.884.449
▪ Dịch vụ đã cung ứng	441.001.055.388	192.595.956.384
▪ Bán và cho thuê bất động sản	96.241.025.484	137.954.669.076
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.111.041.341	(1.184.264.661)
	13.855.500.587.787	12.629.309.245.248

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	115.419.318.676	102.861.951.324
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	685.764.362
Cổ tức được chia	13.368.092.200	15.248.006.445
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.490.967.074	75.311.743.001
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.539.962.565	7.560.028.667
Lãi do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	25.074.373.577
Lãi do thanh lý công ty liên kết	18.775.642.002	-
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	14.006.405.351	16.745.753.479
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.181.880.749	10.508.510.535
	320.782.268.617	253.996.131.390

36. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	238.035.592.428	332.065.048.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.029.748.311	44.236.329.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.809.570.997	4.015.572.742
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(19.898.455.667)	33.448.404.329
Chi phí tài chính khác	3.461.403.939	8.187.823.912
	272.437.860.008	421.953.178.575

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

37. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	45.434.708.052	49.674.678.961
Chi phí công cụ và dụng cụ	10.477.922.352	10.586.945.647
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.096.351.081	10.230.572.403
Chi phí vận chuyển	187.716.947.381	133.890.103.922
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	2.274.835.790	5.140.234.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.660.633.188	104.321.415.460
Chi phí bao bì	19.680.205.357	15.916.993.208
Chi phí hoa hồng	57.016.184.777	33.590.672.535
Chi phí xuất nhập khẩu	26.380.109.991	12.618.730.501
Chi phí bán hàng khác	43.520.762.088	62.332.073.458
	507.258.660.057	438.302.420.698

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	426.652.246.353	330.823.723.963
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	16.905.330.690	14.275.253.570
Chi phí khấu hao và phân bổ	46.617.490.833	42.006.367.457
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	19.673.817.752	18.204.523.382
Thuế, phí và lệ phí	28.081.833.480	23.200.556.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.070.262.767	85.988.474.847
Tiền thuê đất	35.278.735.359	23.952.962.428
Công tác phí	6.655.552.465	10.118.540.970
Chi phí tiếp khách	9.338.268.192	11.618.068.307
Chi phí khác	92.267.311.230	107.829.672.411
	778.540.849.121	668.018.143.461

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

39. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	29.673.170.991	22.468.311.709
Thu nhập từ bảo hiểm cháy nổ	-	19.394.187.657
Tiền đến bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	33.409.384.500	10.004.550.548
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	7.093.251.517	1.209.791.859
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	29.519.326.200
Thu từ các khoản khác	15.164.128.910	17.819.521.829
	85.339.935.918	100.415.689.802

40. Chi phí khác

	2021 VND	2020 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	15.723.056.592	28.389.245.553
Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thanh lý	-	13.033.921.623
Ghi giảm hàng tồn kho do cháy nổ	-	21.180.745.227
Ghi giảm tài sản cố định hữu hình do cháy nổ	2.630.924.548	5.634.609.893
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	687.273.740	1.642.621.752
Phạt vi phạm thuế	3.948.456.869	2.610.595.283
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	8.363.956.062	2.655.629.488
Dự phòng tổn thất dự án Phước Long B	62.473.188.366	-
Chi phí dự án không đủ điều kiện được vốn hóa	11.378.756.703	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung	-	671.170.606
Chi các khoản khác	9.918.939.677	15.817.292.863
	115.124.552.557	91.635.832.288

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

41. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	8.206.285.536.238	6.836.468.522.897
Chi phí nhân viên	2.805.985.042.462	2.633.605.610.600
Chi phí khấu hao	854.702.774.139	810.991.058.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.790.590.879.942	1.837.728.510.879
Chi phí khác	1.673.894.308.634	750.010.842.422

42. Thuế thu nhập

a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	129.702.997.236	33.145.066.422
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	606.861.542	(3.085.840.714)
	130.309.858.778	30.059.225.708
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.267.426.968	2.794.626.677
Chi phí thuế thu nhập	132.577.285.746	32.853.852.385

b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.456.490.587.241	593.395.043.113
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	291.298.117.448	118.679.008.623
Ưu đãi thuế	(8.337.960.690)	(3.726.674.607)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(24.589.889.005)	(2.902.313.165)
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.708.484.262	17.303.547.417
Thu nhập không bị tính thuế	(117.946.784.938)	(118.893.597.478)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
Lỗ tính thuế được sử dụng	(21.077.316.275)	(4.723.690.068)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế của năm hiện hành	11.748.683.012	28.896.150.554
Thay đổi các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	(23.832.909.610)	1.307.261.823
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	606.861.542	(3.085.840.714)
	132.577.285.746	32.853.852.385

c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

43. Lãi trên cổ phiếu

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	2021	2020
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	803.147.077.451	327.655.808.809
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(18.810.000.000)	(18.810.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	784.337.077.451	308.845.808.809
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.569	618

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở của số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2020.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2021	2020
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	784.337.077.451	308.845.808.809
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 31)	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND/cổ phiếu)	1.415	557

c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2020 với số tiền 18.810.000.000 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để tính toán lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2020 (đã điều chỉnh lại)	2020 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	618	570
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	557	514

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	1.047.332.800	786.103.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	489.442.971.696	580.959.692.221
Mua hàng hóa và dịch vụ	248.790.137.261	160.650.412.134
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.508.229.393	2.106.577.058
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.825.268	52.912.273
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	409.664.913	489.199.068
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	13.636.364
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.200.000	-
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	745.957.562	1.467.730.046
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.976.157.902	6.667.327.956
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	3.284.025.940
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.229.039.999	748.948.436
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28.304.417.043	25.815.573
Mua hàng hóa và dịch vụ	127.105.185.624	58.548.972.192
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ	26.800.000	180.952
Mua hàng hóa	37.272.727	269.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	8.593.854.791	9.218.186.297

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.085.714
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.230.600	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	746.203.519
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.327.967.776	1.177.664.328
Mua hàng hóa và dịch vụ	56.109.803.069	50.604.480.429
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Khoản cho vay	4.900.000.000	6.833.439.740
Nhận hoàn trả khoản vay	8.400.000.000	-
Thu nhập lãi vay	326.662.274	348.049.059
Lãi do người mua chậm trả	-	137.291.666
Bán hàng hóa	1.376.026.495	3.227.710.989
Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.436.651.522	2.512.978.428
Mua hàng hóa và dịch vụ	74.700.384	12.702.000
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	531.135.748	451.519.536
Mua hàng hóa	74.639.037.251	78.314.662.576
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	130.737.390.680	89.647.152.865
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	103.600.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Doanh thu bán hàng hóa	1.271.208.747	734.236.650
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	168.988.659	8.671.398.024
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	16.184.624.543

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.607.859.319	21.624.632.202
Mua hàng hóa và dịch vụ	59.809.170.886	291.108.649.233
Lãi cho vay	-	4.294.311.916
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	166.828.609.850	207.928.040.320
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.458.116.519	2.244.224.776
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.775.000	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Bán hàng hóa	1.800.000	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	1.302.200.000	1.177.241.970
Ông Trần Quang Nghị - Phó Chủ tịch	217.304.000	1.042.826.668
Ông Đặng Vũ Hùng - Ủy viên	864.500.000	622.583.488
Ông Vũ Hồng Tuấn - Ủy viên	710.000.000	180.520.493
Ông Nguyễn Xuân Đông - Ủy viên	54.000.000	-
Ông Lê Khắc Hiệp - Ủy viên	54.000.000	108.000.000
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	1.302.200.000	1.177.241.970
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc	1.046.275.000	797.008.333
Những người quản lý khác	4.848.345.000	3.840.619.313

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Tăng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	54.619.003.091	-
Thu hồi tài sản cho thuê do chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính đồng thời ghi giảm khoản phải thu khác từ cho thuê tài chính	-	188.826.112.183
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng thành khoản phải thu về cho vay	-	77.286.432.399

46. Thông tin so sánh

Ngoài các điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 43, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Nga

Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:





Nguyễn Ngọc Cách

Kế toán trưởng

Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

PHỤ LỤC 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam
mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Phương	100%	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	56,54%	56,68%	73.657.321.350	73.657.321.350	3.461.864.000	3.461.864.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới	51,00%	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ (i)	61,87%	64,96%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	60,86%	63,90%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

Trong năm, Công ty Cổ phần Dệt May Huế và Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ đã phát hành thêm cổ phiếu cho các nhân viên. Vì thế, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty con này giảm đi.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

PHỤ LỤC 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hoà Thọ (i)	47,56%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hoà Thọ - Hội An (i)	33,52%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Duy Xuyên (i)	50,56%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hoà Thọ (i)	61,87%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hoà Thọ Thăng Bình (i)	46,08%	48,39%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len - Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (i)	45,09%	45,09%	90%	90%	220.050.000.000	220.050.000.000	-	-
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	152.162.759.972	128.068.211.370	-	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	134.385.103.590	118.026.000.000	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	73.084.782.345	70.200.000.000	-	-

(i) Trong năm, Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ đã phát hành thêm cổ phiếu cho các nhân viên. Vì thế, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty con này giảm đi.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

PHỤ LỤC 3
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
3	Công ty Cổ phần May Halotexco	30,88%	30,88%	53,64%	53,64%	5.632.500.000	3.755.000.000	-	-
4	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
6	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (ii)	31,24%	30,65%	54,26%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,27%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

(i) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty con này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

PHỤ LỤC 4
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán
theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,21%	35,21%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
11	Công ty Cổ phần May Nam Định	30,00%	30,00%	9.000.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
17	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	40,33%	40,33%	85.443.720.435	85.443.720.435
18	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,66%	30,66%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	44,52%	44,52%	37.275.000.000	37.275.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo (iii)	-	21,21%	-	29.700.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
20	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
21	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
22	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000
23	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội					
24	Công ty Cổ phần May Đồng Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
25	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (iv)	12,37%	12,99%	4.000.000.000	4.000.000.000
26	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam (iv)	19,88%	20,88%	6.428.000.000	6.428.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
27	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
28	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
29	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
30	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.586.200.608	144.586.200.608
31	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	18,03%	18,03%	21.724.480.000	21.724.480.000
32	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	15,20%	15,20%	56.143.750.000	56.143.750.000
33	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708

(i) Trong năm, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã bán toàn bộ vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo cho một bên thứ ba.

(ii) Trong năm, Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã phát hành thêm cổ phiếu cho các nhân viên. Vì thế, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty con này giảm đi.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Cao Hữu Hiếu